

Số: *M* /TB-HĐQT

TP.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2017

THÔNG BÁO

V/v hiệu chỉnh số liệu trong Báo cáo thường niên 2017

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM (HOSE)

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 0300584564

Hiệu chỉnh thông tin công bố trên Báo cáo thường niên 2017:

1. Hiệu chỉnh thông tin trang 21:

Thông tin cũ	Thông tin hiệu chỉnh
Ông Võ Văn Thọ	Ông Võ Văn Thọ
Sinh năm 1962	Sinh năm 1962
Tổng Giám đốc	Tổng Giám đốc
Kiểm Giám đốc Kinh doanh	Kiểm Giám đốc Kinh doanh
Giám đốc Đầu tư	

2. Hiệu chỉnh thông tin trang 22:

Thông tin cũ	Thông tin hiệu chỉnh
Vị trí Trợ lý TGD hiện trực thuộc GĐĐH Sản xuất kỹ thuật & GĐĐH Tài chính	Vị trí Trợ lý TGD sẽ trực thuộc Tổng Giám đốc
	Hiệu chỉnh lại vị trí của Bộ phận Giám sát Kinh doanh

3. Hiệu chỉnh thông tin trang 27: (Phần Báo cáo Ban Kiểm soát tại gạch đầu dòng thứ 2)

Thông tin cũ	Thông tin hiệu chỉnh
Tình hình tài chính công ty diễn biến theo chiều hướng kém hơn khi nguồn tiền thặng dư từ hoạt động kinh doanh giai đoạn trước suy giảm liên tục, kéo theo sức mạnh tài chính nội tại giảm sút do công tác quản lý dòng tiền yếu và hệ lụy từ hoạt động kinh doanh suy giảm. Điều này chắc chắn tạo ra những ảnh hưởng không tốt đến hoạt động và khả năng tái đầu tư để phát triển trong giai đoạn	Tình hình tài chính công ty diễn biến theo chiều hướng kém hơn khi nguồn tiền thặng dư từ hoạt động kinh doanh giai đoạn trước suy giảm liên tục, kéo theo sức mạnh tài chính nội tại giảm sút hệ lụy từ hoạt động kinh doanh suy giảm. Điều này chắc chắn tạo ra những ảnh hưởng không tốt đến hoạt động và khả năng tái đầu tư để phát triển trong giai đoạn tới.



4. Hiệu chỉnh thông tin trang 29: (Phần Báo cáo Tài chính tại Bảng 1, 2, 3)

Thông tin cũ				
Bảng 1 – KQKD Y.2017- Y.2016	Chi tiêu cơ bản	Y .2016	Y. 2017	% tăng/giảm
	Doanh thu thuần	417,005,970,457	327,297,597,399	-21.51%
	Lợi nhuận từ HDKD	17,255,196,889	-10,497,059,757	-160.83%
	Lợi nhuận khác+ tài chính	20,628,079,600	7,765,930,300	-62.35%
	Lợi nhuận trước thuế	37,883,276,489	-2,731,129,457	-107.21%
	Lợi nhuận sau thuế	30,005,862,206	-3,039,045,461	-110.13%
	Nộp ngân sách nhà nước	35,100,343,555	22,108,332,422	-37.02%
Bảng 2 – KQKD Y.2017- Y.F 2017	Chi tiêu cơ bản/Financial Figure	YF 2017	Y. 2017	% Y.2017 /Y F 17
	Doanh thu thuần	494,027,707,664	327,297,597,399	-33.75%
	Lợi nhuận từ HDKD	21,392,021,803	-10,497,059,757	-149.07%
	Lợi nhuận khác+ tài chính	16,560,672,389	7,765,930,300	-53.11%
	Lợi nhuận trước thuế	37,952,694,192	-2,731,129,457	-107.20%
	Lợi nhuận sau thuế	30,362,155,354	-3,039,045,461	-110.01%
	Nộp ngân sách nhà nước	31,569,320,176	22,108,332,422	-29.97%
Bảng 3 – Các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2017	Chi tiêu cơ bản	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm
	Doanh thu thuần	417,005,970,457	327,297,597,399	-21.51%
	Lợi nhuận từ HDKD	17,255,196,889	-10,497,059,757	-160.83%
	Lợi nhuận khác+ tài chính	20,628,079,600	7,765,930,300	-62.35%
	Lợi nhuận trước thuế	37,883,276,489	-2,731,129,457	-107.21%
	Lợi nhuận sau thuế	30,005,862,206	-3,039,045,461	-110.13%
	Nộp ngân sách nhà nước	35,100,343,555	22,108,332,422	-37.02%

Chỉ số hiệu quả hoạt động (lần/năm)	Y 2016	Y 2017	% tăng/giảm
Vòng quay hàng tồn kho (ngày)	22	28	27.27%
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	17	13	-23.53%
Vòng quay Khoản phải thu	56	74	32.14%
Receivables Turnover(times)	7	5	-28.57%
Vòng quay của Tài sản (lần)	1.45	1.39	-4.14%

Thông tin hiệu chỉnh

Bảng 1 – KQKD Năm 2017- Năm 2016	Chỉ tiêu cơ bản	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm
	Doanh thu thuần		417,005,970,457	327,297,597,399
Lợi nhuận từ HĐKD		30,117,346,189	(9,552,913,713)	(131.72%)
Lợi nhuận khác+ tài chính		7,765,930,300	6,821,784,256	(12.16%)
Lợi nhuận trước thuế		37,883,276,489	(2,731,129,457)	(107.21%)
Lợi nhuận sau thuế		30,005,862,206	(3,039,045,461)	(110.13%)
Nợ ngân sách nhà nước		35,100,343,555	22,108,332,422	(37.02%)

Bảng 2 – KQKD TH 2017- KH 2017	Chỉ tiêu cơ bản	KH 2017	TH 2017	% TH /KH 2017
	Doanh thu thuần		494,027,707,664	327,297,597,399
Lợi nhuận từ HĐKD		21,392,021,803	(9,552,913,713)	(144.66%)
Lợi nhuận khác+ tài chính		16,560,672,389	6,821,784,256	(58.81%)
Lợi nhuận trước thuế		37,952,694,192	(2,731,129,457)	(107.20%)
Lợi nhuận sau thuế		30,362,155,354	(3,039,045,461)	(110.01%)
Nợ ngân sách nhà nước		31,569,320,176	22,108,332,422	(29.97%)



**Bảng 3 –
Các chỉ
tiêu trên
Báo cáo tài
chính năm
2017**

Chỉ tiêu cơ bản	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm
Doanh thu thuần	417,005,970,457	327,297,597,399	(21.51%)
Lợi nhuận từ HĐKD	30,117,346,189	(9,552,913,713)	(131.72%)
Lợi nhuận khác+ tài chính	7,765,930,300	6,821,784,256	(12.16%)
Lợi nhuận trước thuế	37,883,276,489	(2,731,129,457)	(107.21%)
Lợi nhuận sau thuế	30,005,862,206	(3,039,045,461)	(110.13%)
Nộp ngân sách nhà nước	35,100,343,555	22,108,332,422	(37.02%)
Chỉ số hiệu quả hoạt động (lần/năm)	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm
Vòng quay hàng tồn kho (ngày)	22	28	27.27%
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	17	13	(23.53%)
Vòng quay Khoản phải thu (Ngày)	56	74	32.14%
Vòng quay Khoản phải thu (lần)	7	5	(28.57%)
Vòng quay của Tài sản (lần)	1.45	1.39	(4.14%)

Doanh nghiệp cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Thông báo này.

Người hiệu chỉnh



PHẠM NGUYỄN DŨNG

Giám đốc Tài chính



NGUYỄN THÚY PHƯƠNG

Đại diện theo Pháp Luật



TỔNG GIÁM ĐỐC

VÕ VĂN THỌ



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
CHƯƠNG DƯƠNG**



Thức uống cho cuộc sống

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN - 2017



NỘI DUNG:

- * Thông tin chung
- * Tình hình hoạt động trong năm 2017
- * Báo cáo & đánh giá của Ban Giám đốc

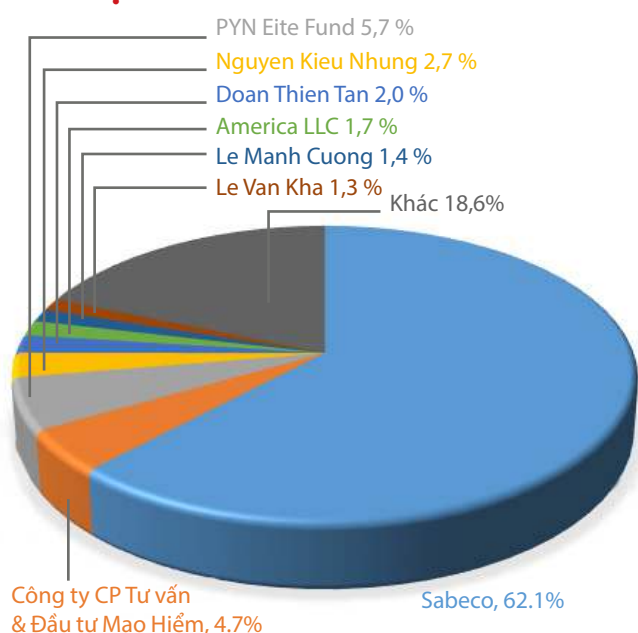
- * Đánh giá của Hội đồng Quản trị
- * Quản trị Công ty
- * Báo cáo tài chính

CHÚNG TÔI LÀ CHUYÊN GIA VỀ CÁC LOẠI NƯỚC GIẢI KHÁT

Trong năm 2017, Công ty CP NGK Chương Dương tiếp tục định hình lại Doanh nghiệp để tăng trưởng mạnh mẽ & bền vững với các quyết định chiến lược nhằm mở rộng & xây dựng thương hiệu trở thành sự lựa chọn trọng tâm của NTD. Chúng tôi tăng cường thay đổi mẫu mã bao bì để mang lại hiệu quả mới, tạo thêm giá trị lâu dài cho các cổ đông & mọi người kết nối với Doanh nghiệp của Chúng tôi.

Đánh giá thường niên năm nay cung cấp hành trình liên tục của chúng tôi trong việc cải thiện hoạt động doanh nghiệp, xây dựng thương hiệu & sự đổi mới liên tục của một Công ty NGK

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN



THÔNG TIN CÔNG TY:

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương

Mã cổ phiếu: SCD

Tên tiếng Anh: Chương Dương Beverages JSC

Tên viết tắt: CDbeco

Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng

Trụ sở chính: 606 Võ Văn Kiệt, P. Cầu Kho, Quận 1, TPHCM, VN

Điện thoại: (84-28)3836 7518

Fax: (84-28)3836 7176

Email: infor@cdbeco.com.vn

Website: www.cdbeco.com.vn

www.chuongduong.vn

www.cdbeco.vn

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp & MST: 0300584564

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

“Chính sự đa dạng đã hợp nhất & làm cho chúng ta mạnh mẽ hơn”

Sáxi Chương Dương chính là sức mạnh thương hiệu được yêu thích tại khu vực kinh doanh của Chúng tôi. Hoạt động trên phạm vi cả nước Việt Nam, ngoài ra còn xuất khẩu sang các nước như: Úc, Zimbabwe, Lào, Cambodia, Triều Tiên, Singapore, Malaysia,... Chúng tôi sản xuất & phân phối các loại thức uống không cồn & có lợi cho sức khỏe của Người tiêu dùng. Với hơn 65 năm kinh nghiệm, chúng tôi tự hào về sản phẩm chúng tôi, thỏa mãn sự yêu thích của hàng triệu người tiêu dùng trong và ngoài nước. Loạt sản phẩm của chúng tôi bao gồm: các loại đồ uống có gaz & không gaz với nhiều Hương vị đa dạng, nước uống đóng chai,... tiếp cận hơn 80 triệu khách hàng tiềm năng thông qua 485 nhà phân phối/ đại lý đang hoạt động. Chúng tôi cam kết đổi mới & xây dựng một thương hiệu bền vững, nơi chúng tôi có vị trí tốt nhất để nắm bắt tăng trưởng & mang lại giá trị lâu dài cho các cổ đông của Chúng tôi

Một tổ chức mạnh mẽ:

Chúng tôi biết rõ khả năng của chúng tôi & để phát triển được chiến lược như chúng tôi hoạch định thì cần phải có lực lượng lao động tài năng, những người chia sẻ đam mê & nhiệt huyết để thực hiện chiến lược đã đề ra. Chúng tôi cam kết xây dựng lực lượng lao động đa dạng, phù hợp chặt chẽ với các giá trị của chúng tôi để đem đến sức mạnh, khả năng cho Khách hàng, người tiêu dùng, cổ đông & đối tác. Chúng tôi khuyến khích người lao động để thúc đẩy sự nghiệp của họ trong quan hệ với các đối tác. Để hỗ trợ điều này,

chúng tôi cam kết đảm bảo một môi trường mà tất cả mọi người có thể phấn đấu để phát triển sự nghiệp của họ phù hợp với nguyện vọng, kỹ năng & kinh nghiệm của họ.

Mô hình phát triển bền vững:

Tại Chương Dương, chúng tôi biết rằng chúng tôi có khả năng tạo sự khác biệt & thực hiện điều này theo cách riêng của chúng tôi & ở những nơi quan trọng nhất đối với chúng tôi. Chúng tôi tập trung vào 4 lĩnh vực mà chúng tôi có thể tác động lớn nhất:

Con người: Chúng tôi cung cấp nơi làm việc, nơi người lao động cảm thấy tràn đầy sinh lực & năng động.
Hạnh phúc: Chúng tôi cung cấp cho người tiêu dùng sự lựa chọn & thông tin họ cần để đưa ra quyết định đúng đắn.

Môi trường: Chúng tôi đảm bảo tác động tối thiểu trên môi trường, làm việc có trách nhiệm trong những tất cả những gì chúng tôi làm.

Cộng đồng: Chúng tôi làm việc cùng với cộng đồng xã hội để phân phối & tạo lợi ích chung.

Đó là những công việc mà chúng tôi đã làm trong 4 lĩnh vực này cùng với lợi ích kinh tế mà chúng tôi mang đến cho cộng đồng nơi chúng tôi hoạt động, phản ánh được sự đóng góp của chúng tôi. Phương pháp tiếp cận với báo cáo phát triển bền vững là cởi mở & dễ hiểu, công nhận những thách thức của tương lai, những thành tựu mà chúng tôi đã đạt được & tác động tích cực mà chúng tôi đã thực hiện.

Đối tác của chúng tôi:

Chương Dương có một lịch sử lâu dài & tự hào khi hợp tác chặt chẽ với các đối tác của chúng tôi trong việc sản xuất, phân phối hàng loạt nhãn hiệu & sản phẩm với chất lượng tốt. Mỗi quan hệ giữa chúng tôi với các đối tác được xây dựng trên sự cộng tác & tin tưởng. Mỗi quan hệ đối tác chúng tôi có là khác nhau & chúng tôi làm việc chặt chẽ với từng đối tác để đảm bảo rằng chúng tôi có thể cùng nhau phát triển doanh nghiệp của mình. Ngoài thương hiệu Sáxi Chương Dương số một của thị trường, chúng tôi còn sản xuất nhiều thương hiệu với nhiều mùi vị khác nhau như: Cam, Dâu, Trà Ô long, Soda, Nha đam, Nước uống đóng chai,... thông qua doanh số bán hàng & mạng lưới phân phối của chúng tôi đến tận tay người tiêu dùng.

Đây là những gì chúng tôi gọi là hệ thống Chương Dương. Chúng tôi sẽ tiếp tục tìm kiếm nhiều cơ hội hơn để phát triển trong các mối quan hệ đối tác hiện nay và cơ hội cho các mối quan hệ mới chia sẻ khát khao của chúng tôi để làm cho khả năng trở thành hiện thực.

“

**SỰ ĐA DẠNG
& KẾT HỢP
SẼ LÀM CHO
CHÚNG TA
PHÁT TRIỂN
MẠNH MẼ BỀN
VỮNG HƠN**

”

TÂM NHÌN

MỖI NGÀY CHÚNG TÔI TẠO RA & ĐEM LẠI SỰ SÁNG KHOÁI CŨNG NHƯ SỰ THOẢI MÁI CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG

Tâm nhìn của chúng tôi thúc đẩy mọi thứ chúng tôi làm. Nó kết hợp chúng ta & tập trung năng lượng của chúng ta. Nó phản ánh quy mô kinh doanh của chúng tôi & hàng triệu người mà chúng tôi kết nối trực tiếp thông qua các sản phẩm của chúng tôi. Đó là những gì chúng tôi làm hàng ngày cũng như khả năng chúng tôi đang tạo ra cho tương lai.

ĐỊNH HƯỚNG

Năng suất & cấu trúc chi phí linh hoạt, nhanh nhẹn.

CHIẾN LƯỢC

Chiến lược là bao gồm nhiều nhóm kế hoạch chi tiết để giúp chúng tôi thực hiện thành công. Điều đó hỗ trợ cho chúng tôi tăng trưởng & phát triển lâu dài. Chúng tôi biết rằng, thị trường của chúng tôi sẽ tiếp tục thay đổi, chúng tôi tự tin trong khả năng điều hướng trong môi trường thay đổi này với 3 chiến lược làm nền tảng của chúng tôi:

ĐỐI VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG:

Chúng tôi hài lòng với các danh mục sản phẩm hiện tại & tiếp tục đầu tư cho các sản phẩm tương lai. Chúng luôn nằm trong tầm tay của chúng tôi. Chúng tôi tạo ra các giá trị: với người tiêu dùng của chúng tôi, xây dựng trên cơ sở lợi ích chung

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG:

Chúng tôi tạo ra những giá trị để chia sẻ & sự tăng trưởng chung.

ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG:

Chúng tôi đóng góp tích cực cho sự phát triển tại nơi chúng ta đang sinh sống.

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG:

Chúng tôi mang lại lợi nhuận bền vững, hấp dẫn.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI:

Các giá trị thể hiện cách chúng tôi làm việc như thế nào? Điều đó định hướng cho hành vi, quyết định của chúng tôi hàng ngày.

- Chúng tôi luôn luôn cởi mở & đơn giản
- Chúng tôi luôn chủ động & quản lý kết quả
- Chúng tôi tập trung vào hôm nay & ngày mai

DẪN ĐẦU:

Tăng cường để trở thành vị trí dẫn đầu ngành
Phấn đấu trở thành thương hiệu hàng đầu trong ngành nước giải khát

Liên tục nâng cao cấp độ tiếp thị sáng tạo
Danh mục đầu tư phát triển sản phẩm phải thích nghi với sự thay đổi của người tiêu dùng

THỰC HIỆN:

Bước thay đổi trong năng suất & triển khai trên thị trường
Nâng cao chất lượng dịch vụ

Lộ trình phát triển thị trường phải cung cấp sự đa dạng hóa khách hàng & tăng cường cạnh tranh thực sự
Tận dụng khả năng sản xuất, năng lực bán hàng & phân phối

ĐỐI TÁC:

Cân nhắc lựa chọn các đối tác tốt hơn
Chúng tôi nhìn về các mục tiêu để thành công
Tham gia sâu vào kế hoạch để tăng lợi nhuận của hệ thống
Chia sẻ & cân bằng các rủi ro cũng như phần thưởng

CÁCH TIẾP CẬN TOÀN DIỆN CỦA CHÚNG TÔI ĐỂ TẠO RA GIÁ TRỊ LÂU DÀI

Câu chuyện của chúng tôi bắt đầu từ năm 1952 khi lần đầu tiên sản phẩm Sàxị Chương Dương được bán với tên gọi Sàxị Con Cọp. Từ những nguồn gốc này, công việc kinh doanh của chúng tôi đã phát triển cuộc sống của người dân ở các thành phố, thị trấn trên toàn quốc.

Chương Dương có một lịch sử phát triển lâu dài, làm mới cuộc sống tại những nơi chúng tôi hiện diện. Trên đường phát triển, chúng tôi đã viết ra các câu chuyện chặt chẽ, một trong số đó là những câu chuyện phát triển bền vững lâu dài giá trị cho các chủ sở hữu như các Bạn & mọi người khi kết nối với Doanh nghiệp của chúng tôi.

Trong năm 2017, chúng tôi đã thêm một câu chuyện thú vị trong chuỗi câu chuyện của chúng tôi như Tổng Giám đốc đã chia sẻ trong thư của Ông ấy

Về phần mình, Tôi muốn thảo luận về cam kết của chúng tôi đối với việc tạo ra giá trị phát triển lâu dài & cách chúng tôi tin rằng, tiếp cận toàn diện sẽ tối ưu hóa giá trị của Cổ đông dựa trên sự sáng tạo theo thời gian.

Vì vậy, cái nhìn tổng hợp về tạo ra giá trị của chúng ta không phải là mới. Nhưng nó chưa bao giờ quan trọng hơn lúc này, khi mọi người ngày càng lựa chọn thương hiệu của chúng tôi không chỉ giải khát mà còn cho giá trị chia sẻ mà chúng tôi tạo ra cho:

- Cổ đông của chúng tôi
- Người tiêu dùng của chúng tôi
- Nhân sự của chúng tôi
- Khách hàng của chúng tôi
- Các nhà cung cấp & đối tác kinh doanh của chúng tôi
- Cộng đồng & chính phủ của chúng tôi

Cổ đông của chúng tôi: Với mỗi quyết định, chúng tôi cố gắng làm tất cả những gì có thể để tạo ra giá trị ngắn & dài hạn cho các cổ đông như Bạn. Chúng ta hãy nhìn vào tài sản của chúng tôi bao gồm: Nhân sự, danh mục sản phẩm, các mối quan hệ với khách hàng & đối tác, chúng tôi cân nhắc các lựa chọn để tối ưu hóa giá trị

cho cổ đông

Người tiêu dùng của chúng tôi: Chúng tôi liên tục điều chỉnh để thay đổi phù hợp với sở thích của người tiêu dùng nâng cao hình ảnh thương hiệu, tăng cường đa dạng hóa danh mục sản phẩm & phát triển bao bì mới.

Nhân sự của chúng tôi: Chúng tôi cần lực lượng nhân sự có năng lực, đa dạng khả năng, tất cả mang lại khả năng thấu hiểu độc đáo, kinh nghiệm & kiến thức thực hiện trong công việc hằng ngày. Là một Công ty, chúng tôi luôn nồng nhiệt chào đón, chúng tôi luôn giúp đỡ họ học hỏi & phát triển. Chúng ta cần phải đưa ra các giải thưởng để thúc đẩy họ phát triển trong công việc của họ & điều đó cũng giúp chúng ta giữ được nhân tài cho Công ty.

Khách hàng của chúng tôi: Hệ thống chúng tôi giúp các cửa hàng & đối tác khách hàng khác trở nên thành công hơn bằng cách đảm bảo mỗi cửa hàng kết hợp tối ưu hóa của thương hiệu, bao bì, vật phẩm quảng cáo & các thiết bị hỗ trợ. Cuối cùng, chúng tôi muốn tạo ra những giá trị cho khách hàng thông qua các danh mục sản phẩm của chúng tôi. Do đó, việc tạo ra những giá trị cho khách hàng của chúng tôi cũng mở ra cơ hội mới để phát triển cùng họ trong tương lai.

Các nhà cung cấp & đối tác kinh doanh của chúng tôi: Kinh doanh của chúng tôi dựa rất nhiều vào mối quan hệ đối tác với các nhà cung cấp, các đơn vị tư vấn tiếp thị và các đối tác khác. Khi chúng tôi phát triển, chúng ta tạo ra nhiều

giá trị cho các đối tác của chúng tôi.

Cộng đồng & chính phủ của chúng tôi: Chúng tôi không thể có sự phát triển kinh doanh mạnh mẽ khi công tác phục vụ cộng đồng thiếu đi sự mạnh mẽ. Nhiều giá trị chung mà chúng tôi làm là thúc đẩy bởi giá trị kinh tế mà chúng ta tạo ra cho khách hàng, giúp khách hàng phát triển tiếp cận được nhiều người hơn, cung cấp nhiều hơn cho gia đình họ & đóng góp nhiều hơn cho cộng đồng của họ. Thay mặt Hội đồng quản trị, chúng tôi cảm ơn sự đầu tư của các bạn vào Công ty CP NGK Chương Dương. Cùng với Tổng Giám đốc & nhóm cộng sự của Ông ấy, chúng tôi vẫn cam kết thực hiện tất cả những gì có thể để xây dựng giá trị lâu dài cho cổ đông & mọi người khi kết nối với Doanh nghiệp của chúng tôi.

Trân trọng cảm ơn!

Signed



Chủ tịch HĐQT
TRẦN ĐỨC HÒA
(đã ký)

CHÚNG TÔI ĐANG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP

Chúng tôi may mắn được tham gia vào một ngành công nghiệp đa dạng thương hiệu, danh mục sản phẩm, kênh phân phối & toàn quốc; Một ngành công nghiệp phát triển tăng trưởng mạnh mẽ trong đó, công ty chúng tôi có cơ hội để tăng trưởng. Là một trong những Công ty nước giải khát hàng đầu tại Việt Nam, với nhiều danh mục sản phẩm có giá trị với các đối tác có khả năng phân phối trên toàn quốc cũng như phát triển ra các nước trên thế giới. Sau gần 65 năm nuôi dưỡng công việc kinh doanh này, đã giới thiệu chiến lược phát triển bền vững để thúc đẩy sự tăng trưởng vững chắc cho Công ty & giá trị cho các cổ đông. Trong năm 2017, vì là năm định hình lại sự phát triển bền vững với mục tiêu phát triển dài hạn nên chúng tôi chỉ đạt được một số thành tựu đầu tiên trong chiến lược dài hạn đã đề ra.

Đẩy nhanh tốc độ các thương hiệu trọng tâm của Khách hàng

Chìa khóa để giúp tăng trưởng là bắt đầu từ người tiêu dùng, cung cấp nhiều loại đồ uống khác nhau để giúp họ cảm thấy thú vị mỗi ngày. Chúng tôi gọi đó là "thức uống cho cuộc sống" – một tầm nhìn biết kết hợp việc xây dựng thương hiệu để tạo ra doanh thu hơn 300 tỷ VND với các phương pháp tiếp cận mới, năm ngoái, chúng tôi đã mở rộng & phát triển các loại thương hiệu sản phẩm trọng tâm của người tiêu dùng như Trà Ôlong, Nước tăng lực & Nha đam. Chúng tôi đã đưa các dòng sản phẩm này vào thị trường để đánh giá tính phù hợp của sản phẩm mới. Và đang tiếp tục nghiên cứu thêm các dòng sản phẩm mới ít đường nhưng vẫn đảm bảo Hương vị truyền thống & các loại nước giải khát với Hương vị mới phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng trẻ tuổi ngày nay.

Chúng tôi cũng đang xây dựng để cân bằng giữa các thương hiệu truyền thống với phản hồi từ xu hướng thị trường tiêu dùng ngày nay, mở rộng & phát triển các loại nước giải khát mới, bổ sung đa dạng các hương liệu

tự nhiên, giảm đường hoặc đường thay thế mới với bổ sung nhiều Vitamin C, khoáng chất & protein.

Thúc đẩy tăng trưởng doanh thu

Chúng tôi vẫn sẽ tiếp tục hiệu chỉnh làm sao để kiểm soát sự tăng trưởng doanh thu theo đúng kế hoạch để đảm bảo giá cả sản phẩm, mẫu mã bao bì, thị trường phát triển phù hợp & đúng với nhu cầu của người tiêu dùng.

Tăng cường xây dựng hệ thống đồng bộ

Với hệ thống sản xuất hiện nay, sẽ có rất ít cơ hội để có thể đảm bảo sự tăng trưởng. Vì vậy, chúng tôi đã xây dựng kế hoạch triển khai hệ thống mới để tăng cường cạnh tranh & tăng trưởng dựa trên cơ sở nhu cầu thật sự của người tiêu dùng ngày nay.

Chuyển sang chế độ Số hóa cho Doanh nghiệp

Kỹ thuật số là điểm mới trong hoạt động kinh doanh của chúng tôi, chúng tôi cần tiếp tục cập nhật & thích ứng với kỹ nguyên số ngày nay. Chúng tôi đang triển khai & hướng tập trung vào người tiêu dùng, khách hàng cũng như hệ thống nội bộ. Như thói quen mua sắm hàng hóa online ngày càng nhiều của người tiêu dùng, chúng tôi đã bắt đầu chuyển các loại thức uống vào hệ thống số hóa này. Chúng tôi đang triển khai hệ thống số hóa và chuỗi cung ứng sản xuất cũng như sử dụng dữ liệu làm nguồn thông báo đến các quyết định của chúng tôi. Và chúng tôi cũng đang triển khai để cải thiện hệ thống nội bộ giúp nhân sự chúng tôi hoạt động nhanh hơn & chính xác hơn.

Khai thác sức mạnh tập thể

Chúng tôi đã có những sự thay đổi đáng kể để giúp các cộng sự của chúng tôi phát triển. Trong năm vừa qua, chúng tôi đã tiến cử các vị trí quan trọng trong kinh doanh để giúp Công ty vượt qua những giai đoạn cạnh tranh khốc liệt & khó khăn. Chúng tôi cũng bắt đầu áp

dụng chỉ tiêu đánh giá nhân sự để tái xây dựng hệ thống vững mạnh & đáp ứng đầy đủ yêu cầu công việc.

Có lẽ. Điều quan trọng nhất là xây dựng sự tăng trưởng dựa trên sự khuyến khích, hiệu suất & trách nhiệm của từng nhân viên, giúp họ học hỏi, tìm tòi & phát triển. Chúng ta phải thấu hiểu về sự thay đổi của người tiêu dùng, chiến lược khách hàng & cách tạo ra giá trị. Chúng ta phải sáng tạo, tìm cơ hội để phát triển cùng với các đối tác. Mỗi một nhân sự phải hiểu rõ trách nhiệm, quyền hạn để biến những hiểu biết thành hành động. Phải năng động hơn, trải nghiệm nhiều hơn để tận dụng các cơ hội cho các sản phẩm tại từng thị trường để tăng cường sự thành công.

Chúng tôi có một nền tảng vững chắc

Hệ thống của chúng tôi với các thương hiệu đã được định vị trên thị trường. Mỗi ngày, chúng tôi tiếp cận được hàng triệu người tiêu dùng thông qua hệ thống nhà phân phối trên toàn quốc. Chúng tôi luôn đặt mục tiêu phấn đấu để trở thành một hàng đầu tại thị trường Việt Nam. Tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng dựa trên các giá trị sản phẩm hiện có & phát huy những cơ hội tiềm năng phía trước mà chúng tôi đã nhìn thấy. Chúng tôi tin tưởng vào hệ thống đang xây dựng & sự tăng trưởng trong ngành đồ uống hàng năm & những kế hoạch hành động mà chúng tôi đã xây dựng những năm sắp đến.

Cảm ơn các bạn & các nhà đầu tư đã tham gia cùng chúng tôi, chúng tôi sẽ tiếp tục xây dựng & phát triển cũng như thúc đẩy tăng trưởng bền vững hơn nữa.

Trân trọng cảm ơn!

Signed



Tổng Giám Đốc
VÕ VĂN THỌ
(Đã ký)

CÁC ĐIỂM NỔI BẬT TRONG 2017

THƯƠNG HIỆU ĐƯỢC NÂNG LÊN & THAY ĐỔI

Chúng tôi chuyển đổi mẫu mã bao bì mới nhằm đáp ứng đúng yêu cầu của nhu cầu người tiêu dùng ngày nay. Sự đổi mới sẽ giúp cho thương hiệu sẽ trở nên dễ dàng kết nối với người tiêu dùng hơn



SỰ TĂNG TRƯỞNG CỦA NHÓM HÀNG NƯỚC CÓ GAZ TRÊN TOÀN CẦU ĐANG CHẬM

Chúng tôi chuyển đổi mẫu mã bao bì mới nhằm đáp ứng đúng yêu cầu của nhu cầu người tiêu dùng ngày nay. Sự đổi mới sẽ giúp cho thương hiệu sẽ trở nên dễ dàng kết nối với người tiêu dùng hơn



ĐẨY MẠNH THƯƠNG HIỆU CÓ LỢI CHO SỨC KHỎE

Chúng tôi đã sản xuất ra các loại sản phẩm có lợi cho sức khỏe, rất phù hợp với nhu cầu & thị hiếu của người tiêu dùng ngày nay. Vì họ ngày càng quan tâm đến sức khỏe, chăm sóc sắc đẹp.



GIỚI THIỆU & RA MẮT THÊM NHIỀU HƯƠNG VỊ MỚI

Chúng tôi đang nghiên cứu & đang chuẩn bị triển khai trên thị trường các loại Hương vị mới nhằm đa dạng thêm sản phẩm để người tiêu dùng có thể lựa chọn các loại thức uống phù hợp với nhu cầu của từng cá nhân



HỖ TRỢ & GIÚP ĐỠ CỘNG ĐỒNG

Công ty CP NGK Chương Dương đã đóng góp hơn 1 tỷ đồng sản phẩm để hỗ trợ cho người lao động có hoàn cảnh nghèo, khó khăn, các Em học sinh giỏi nhưng hoàn cảnh cực kỳ khó nhọc,... thông qua các tổ chức xã hội như Thành đoàn TPHCM, Các tỉnh, nhân viên Công ty & các Đối tác cũng đã hỗ trợ.



KHUYẾN KHÍCH THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG

Chúng tôi cân nhắc mức lương, chế độ ưu đãi để hỗ trợ chiến lược tăng trưởng của chúng tôi. Những sự thay đổi này giúp chúng tôi nuôi dưỡng một nền văn hóa tăng trưởng hiệu suất cao với sự tập trung sắc nét vào việc thúc đẩy tăng trưởng dài hạn. Chúng tôi khuyến khích các người lao động, cộng sự của chúng tôi tò mò & nắm lấy tinh thần kiểm tra & học hỏi.



TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tại TPHCM, chúng tôi đã xây dựng mối quan hệ đối tác với các cơ quan hữu quan để đảm bảo nguồn xử lý nước thải phù hợp với việc bảo vệ môi trường vệ sinh & không ảnh hưởng đến nguồn nước cung cấp cho người dân TPHCM



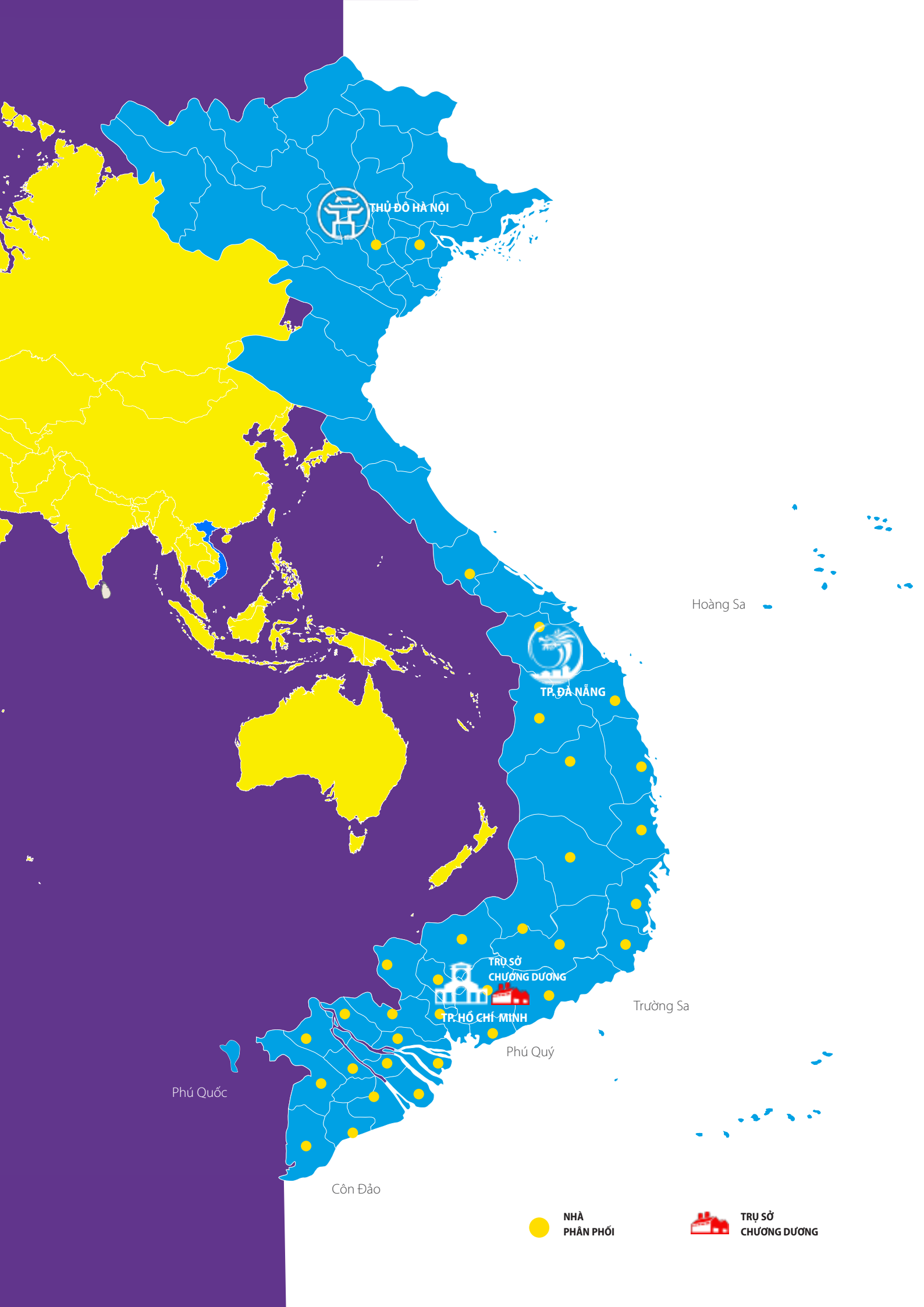
HOAN NGHÊNH CÁC NHÀ ĐẦU TƯ MỚI

Chúng tôi hoan nghênh các nhà đầu tư mới trên toàn cầu đã đầu tư vào Công ty Chúng tôi, Chúng tôi muốn trình bày về tầm nhìn của chúng tôi về sự tăng trưởng cũng như cung cấp cho các nhà đầu tư mới về cái nhìn thoáng qua.





HỆ THỐNG PHÂN PHỐI CỦA CHÚNG TÔI



 NHÀ PHÂN PHỐI

 TRỤ SỞ CHƯƠNG DƯƠNG



HƯƠNG VỊ

Vượt Thời Gian



VỊ NGUYÊN BẢN

Saxe

CHUONG DUONG
Since 1952

HƯƠNG VỊ
Vượt Thời Gian

CHUỖI GIÁ TRỊ HỆ THỐNG CỦA CDBECO

Cách chúng tôi làm kinh doanh cũng quan trọng như những gì chúng tôi đang sản xuất. Chúng tôi cố gắng đem lại cho cộng đồng những điều tốt đẹp nhất. Chúng tôi mong muốn tạo ra các cơ hội để có thể chia sẻ với mọi người trong cộng đồng mà chúng tôi đang phục vụ. Đồ họa này minh họa cho các giai đoạn trong chuỗi giá trị của chúng tôi. Tại sao nó quan trọng & cách thức chúng tôi tạo ra các giá trị trong từng giai đoạn.



Mẫu mã tái sử dụng

Chúng tôi đang cố gắng để triển khai công việc thu hồi sản phẩm đã bán & tái chế sử dụng trong thành phần nguyên liệu sản xuất của chúng tôi. Việc này sẽ mất một thời gian dài để chuẩn bị phương án & triển khai do thiết bị còn hạn chế.



Thiết bị

Ngoài các vật dụng quảng cáo hỗ trợ bán hàng thông thường, chúng tôi cũng đang tiến hành triển khai thêm các thiết bị hỗ trợ làm mát cho các loại sản phẩm cảm thấy sảng khoái hơn



Khách hàng

Hơn 485 Nhà phân phối/ Đại lý trên toàn quốc phân phối các loại sản phẩm đồ uống của chúng tôi đến tay người tiêu dùng



Đóng gói & Phân Phối

Chúng tôi sản xuất, đóng gói & phân phối đến tất cả hệ thống bán hàng



Nguồn nước

Chúng tôi cố gắng không xử lý các chất thải để không xây ra ô nhiễm nguồn nước, nơi chúng tôi đang sản xuất.



Nông nghiệp

thành phần hương liệu tự nhiên, đồng hành cùng hàng triệu nông dân với mong muốn cung cấp nguồn nguyên liệu sạch, an toàn.



Nhân sự & cộng đồng

Từ nhân viên cho đến người tiêu dùng, tất cả họ đều là mục tiêu trọng tâm cho chúng tôi triển khai công việc. Chúng tôi đặt mục tiêu là tạo ra các giá trị hữu ích cho tất cả mọi người khi kết nối với Doanh nghiệp chúng tôi. Kể cả đó là phụ nữ cũng được hưởng bình đẳng giới.



Nhà máy

Mô hình nhỏ chỉ với 1 cơ sở sản xuất duy nhất tại TPHCM



Thức uống

Chúng tôi cung cấp 2 dạng đồ uống, có gaz & không gaz

TÓM TẮT TÌNH HÌNH KINH DOANH 2017

\$ 327.2
Tỷ đồng Doanh thu thuần

77.5 %
Hoàn thành mục tiêu đề ra

Số liệu báo cáo (31/12/2017)	2017	2016	% Tỷ lệ
Sản lượng tiêu thụ (Lít)	29,292,690	37,784,922	
Doanh thu bán hàng hóa & cung cấp dịch vụ thuần	327,297,597,399	417,005,970,457	
Tổng lợi nhuận trước thuế	(2,731,129,457)	37,883,276,489	
Nợ ngân sách nhà nước	22,108,332,422	35,100,343,555	

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH DOANH 2017

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Đội ngũ bán hàng chủ yếu tập trung bán sản phẩm dễ bán là Sà xị mà chưa tích cực triển khai việc các sản phẩm khác ra thị trường.

Cũng như tập trung bán sỉ vào các cấp đại lý C1 - C2, chưa thực hiện được việc kiểm soát phủ hàng tại các điểm bán. Nhân sự chưa phát huy được kỹ năng bán hàng như đã được huấn luyện để đáp ứng nhu cầu phát triển.

CHÍNH SÁCH BÁN HÀNG

Chính sách bán hàng thường xuyên chưa đáp ứng được kỳ vọng về lợi nhuận của NPP, chưa áp dụng đồng bộ trên thị trường.

Chính sách không thường xuyên: nhưng mặc nhiên đã trở thành thường xuyên, tạo điều kiện NPP bán lấn vùng, cạnh tranh về giá.

Chính sách hỗ trợ nhân viên bán hàng chưa thật sự là một công cụ hữu hiệu để giúp NPP thực sự làm thị trường, tạo độ bao phủ, gia tăng sự hiện diện sản phẩm tại các điểm bán hàng.

Mức giá bán trên thị trường thường xuyên thay đổi không ổn định, giá bán thấp hơn giá Công ty thông báo, Số lượng ĐL/ NPP ít rải rác, chưa đáp ứng việc phát triển thị trường.

Với hệ thống phân phối tập trung chủ yếu vào thị trường TP. HCM và với số ít NPP lớn, từ đó Chương Dương đã bị một số ràng buộc phải cho NPP gửi hàng tại kho Công ty, phải hỗ trợ giao hàng cho NPP, nợ hoá đơn. Điều này đã được giải quyết vào đầu năm 2018.

Các chính sách NPP chưa được giải quyết một cách kịp thời

CHÍNH SÁCH TIẾP THỊ

Nguồn ngân sách tiếp thị hạn chế và chưa có chiến lược xây dựng phát triển thương hiệu thông qua hệ thống Marketing Digital để phù hợp với ngân sách Công ty.

Việc thời thay đổi hình ảnh thương hiệu, mẫu mã bao bì đáp ứng nhu cầu thị trường chưa được kịp thời.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ 2017

1. Từ năm 2007 đến nay, Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương đã đầu tư góp vốn dài hạn tại các Công ty con, Công ty liên kết trong cùng tập đoàn như Quỹ đầu tư SABECO 1

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp SABECO và Công ty Cổ phần Bia Nước Giải Khát Sài Gòn Tây Đô và cũng theo chủ trương chung. Năm 2012, Chương Dương đã thoái vốn đầu tư tại Quỹ đầu tư SABECO F1; Năm 2013, Chương Dương rút vốn khỏi Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng KCN SABECO sau khi đã nhận lãi chia góp vốn, cổ tức hàng năm (nhìn chung các khoản đầu tư sau thoái vốn đều được đánh giá có hiệu quả) và hiện Chương Dương chỉ còn khoản đầu tư số tiền 6.500.000.000 VNĐ (Sáu tỷ năm trăm triệu đồng chẵn) vào Công ty Cổ phần Bia Nước Giải khát Sài Gòn Tây Đô và hiện đang rất hiệu quả

2. Xây dựng nhà máy mới tại KCN Tây Bắc, Củ Chi, TPHCM

Ngày 23/03/2018, Tổng Giám Đốc Sabeco đã gửi báo cáo số 370/BC-BSG đến HĐQT Tổng công ty, nội dung đồng ý với phương án cho Chương Dương thuê đất tại KCN Tây Bắc Củ Chi, hình thức trả tiền hàng năm.

Hiện nay dự án Xây dựng nhà máy mới tại KCN Tây Bắc Củ Chi vẫn đang chờ ý kiến trả lời chính thức từ HĐQT Sabeco về việc thuê đất tại KCN Củ Chi để tiến hành các bước tiếp theo

3. Cải tạo & khai thác khu đất 606 Võ Văn Kiệt, Q.1, TPHCM

Hiện nay, nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thay về việc quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công thay thế cho các Quyết định 09/2007/QĐ-Ttg và Quyết định số 86/2010/QĐ-Ttg đã có hiệu lực. Tuy nhiên theo điều 2 Nghị định này thì CDBECO không thuộc đối tượng áp dụng do phần vốn nhà nước tại CDBECO là dưới 50%, do đó phải áp dụng các quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan. CDBECO hiện nay đang xem xét lại việc này để vận dụng cho phù hợp

4. Chuyển nhượng 80.000m² đất tại KCN Mỹ Phước III, Bến Cát, Bình Dương

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015 của CDBECO v/v cho phép chuyển nhượng lại 2 khu đất tổng diện tích 80.000m² tại khu công nghiệp Mỹ Phước III tỉnh Bình Dương. Hiện nay Công ty đã tìm được một số đối tác quan tâm nhận chuyển nhượng với giá cao hơn hẳn giá Đại Hội đồng Cổ đông 2015 đã thông qua (giá thẩm định tháng 10/2017 là 56 USD/m² so với giá năm 2015 là 38USD/m² như trước đây).

Tuy nhiên, vì vẫn đang chờ ý kiến của HĐQT Tổng công ty về việc ký hợp đồng cho thuê đất tại KCN Tây Bắc Củ Chi nên việc chuyển nhượng vẫn chưa thực hiện được. Đồng thời, cuối năm 2017, đầu năm 2018 CDBECO cũng đang tiến hành các thủ tục xin phép xây dựng 02 nhà điều hành trên 02 khu đất, mục đích là để giữ đất và là cơ sở pháp lý để tiến hành chuyển nhượng đất khi HĐQT Tổng Công ty chấp thuận phương án cho CDBECO thuê đất trả tiền hàng năm tại KCN Tây Bắc Củ Chi.

5. Hợp tác & khai thác khu đất 101 đường 19, P. Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TPHCM

Từ năm 2013, HĐQT đã có chủ trương tìm kiếm đối tác có năng lực thực hiện dự án để hợp tác khai thác khu đất. Đến cuối năm 2015 CDBECO đã lựa chọn và ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư & PT Nguyễn Kim mang lại khoản lợi nhuận 03 tỷ cho Công ty, chấm dứt tình trạng phải đóng tiền thuê đất hàng năm, các khoản chi phí điện, nước. Từ đầu năm 2016 đến cuối năm 2017, Công ty Nguyễn Kim đang nỗ lực để ký lại HĐ thuê đất nhưng vẫn chưa thực hiện được và phải trả các khoản chi phí hàng năm liên quan đến khu đất thay Cty Chương Dương.

Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, từ đầu năm 2018 đến nay CDBECO đã phối hợp với Cty Nguyễn Kim thực hiện các thủ tục để tái ký hợp đồng thuê đất. Các thủ tục cuối cùng đã và đang được hoàn tất và chuyển Sở Tài nguyên – Môi trường chờ ký kết hợp đồng. (đã có quyết định cho thuê của UBND TP)

6. Khai thác sử dụng khu đất 193 Kinh Dương Vương, P. 12, Q.6, TPHCM

Khu đất thuê ngắn hạn hàng năm của Nhà nước diện tích 1.314m² hiện đã hết hạn và vẫn chưa ký lại được hợp đồng thuê đất (do trước đây cơ quan chức năng yêu cầu tính giá thuê đất theo đơn giá thị trường). Từ năm 1998 đến nay đã ngưng làm xưởng sản xuất, hiện tạm làm nhà kho chứa hàng của Công ty.

Hiện tại Cty Chương Dương đang tìm kiếm nhà đầu tư bên ngoài để liên doanh khai thác khu đất theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2015

7. Văn phòng giới thiệu & trưng bày – 280 Gò Dầu, Tân Phú, TPHCM

Công trình văn phòng làm việc, trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại số 280 Gò Dầu có diện tích 1070m² hoàn thành xây dựng năm 2011, tuy nhiên do nhiều nguyên nhân vẫn chưa thể đưa vào sử dụng hiệu quả. Đến giữa năm 2015, Công ty đã làm thêm phần vỉa hè và đưa vào khai thác dưới hình thức cho thuê lại, mang lại nguồn thu là 600tr/năm cho Công ty thay vì phải trả các loại chi phí để duy trì Công trình như trước đây

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI

1. NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Stt	Vật tư	ĐV	Lượng dùng
1	Đường	kg	3,459,593
2	Nha đăm xay	kg	36,273.60
3	Vitamin C	kg	52.60
4	Màu thực phẩm	kg	11
5	Nút khoén	cái	8,148,180
6	Lon nhôm	cái	78,394,794
7	CO2	kg	923,700
8	Chai PET	cái	3,788,652
9	Nhãn PET	cái	3,775,672
10	Nút PET	cái	3,806,086
11	Thùng, khay, tấm lót giấy	cái	3,766,182
12	Màng co PE dài	kg	13,193.00
13	Màng co PE ngắn	kg	7,430.00
14	Màng co PE bloc 6 chai	cái	45,260.00

Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế, được sử dụng để sản xuất sản phẩm dịch vụ chính của tổ chức. Trong quá trình sản xuất nước giải khát không có phụ phẩm nên Công ty không có công đoạn tái chế nguyên vật liệu để phục vụ sản xuất

2. TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Điện, nhiên liệu sản xuất nước giải khát

Vật tư	ĐVT	Lượng dùng	Định mức		Tăng	Giảm	Tỷ lệ %
			Thực hiện	Cho phép			
Điện	kwh	1,902,371	63	68		149,508	Giảm 7.29%
Hơi nóng	kg	4,024,321				291,147	Giảm 6.75%

Điện, nhiên liệu rửa chai đơ bằng máy

Vật tư	ĐVT	Lượng dùng	Định mức		Tăng	Giảm	Tỷ lệ %
			Thực hiện	Cho phép			
Điện	kwh	20,400	33	68		21,535	Giảm 51.35%
Hơi nóng	kg	113,379	183.8	195		6,877	Giảm 5.72%

Nhiên liệu sản xuất caramel

Vật tư	ĐVT	Lượng dùng	Định mức		Tăng	Giảm	Tỷ lệ %
			Thực hiện	Cho phép			
Dầu DO	lít	35,100	249	320		9,924	Giảm 22.04%

3. TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn cấp nước	ĐVT	SỐ LƯỢNG
Nguồn nước thủy cục, thành phố cấp	m3	56,299
Nguồn nước ngầm, Công ty tự khai thác	m3	52,260

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Công ty không thu hồi và tái sử dụng nước
Hiện nay Công ty sử dụng 2 nguồn nước để phục vụ sản xuất kinh doanh như sau: nguồn nước thủy cục và nguồn nước giếng khoan. Hiện nay nguồn nước giếng khoan bị nhiễm mặn khá cao, nên phải sử dụng thêm nước thủy cục để phối trộn nhằm giảm độ mặn của nước trước khi đưa vào sử lý. Theo chủ trương của Thành phố về việc hạn chế và cấm khai thác nước ngầm tại khu vực nội thành, nên việc gia hạn giấy phép khai thác nước ngầm sẽ bị ảnh hưởng. Cụ thể theo giấy phép gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất các lần là : Năm 2009 là 600 m3/ngày đêm, năm 2013 gia hạn giấy phép bị cắt giảm xuống còn 250 m3/ngày đêm, năm 2015 gia hạn giấy phép giảm xuống còn 190 m3/ngày đêm theo QĐ của Sở Tài Nguyên và Môi Trường TPHCM số 1084/QĐ-TNMT-QLTN, thời hạn khai thác đến 22/06/2018

4. TUÂN THỦ PHÁP LUẬT & BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Chương Dương đang sử dụng hệ thống xử lý nước thải với lưu lượng nước thải trung bình ngày đêm: 250 m3/ngày đêm. Nước sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn loại C theo TCVN 5945 – 1995.

Theo tiêu chuẩn mới nhất quy định, nước thải sau khi qua xử lý phải đạt tiêu chuẩn loại B nên hệ thống xử lý nước thải đang sử dụng của Chương Dương không còn phù hợp. Chương Dương cần phải đầu tư hệ thống xử lý nước thải mới hoặc nhanh chóng triển khai dự án di dời trong thời gian gian sớm vì năm 2015 Chương Dương đã bị phạt gần 300 triệu trong vấn đề xử lý nước thải này.

- Môi trường xung quanh và môi trường làm việc: Thực hiện kiểm soát, ngăn ngừa các yếu tố tác động đến môi trường như: định kỳ lập giám định về môi trường, kiểm soát nước thải và khí thải, kiểm soát tốt chất thải nguy hại theo quy định, giảm sử dụng nguồn nguyên liệu từ hóa thạch nhằm bảo vệ môi trường cụ thể: sử dụng nguồn CO2 mua từ việc thu hồi CO₂ trong quá trình sản xuất bia, rượu..., sử dụng hơi nước quá nhiệt từ nguyên phụ liệu ngành gỗ làm nguyên liệu đốt lò.

- An toàn: Công ty đã ban hành, thực hiện kiểm soát, duy trì các công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ nhằm ngăn ngừa các yếu tố gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, tổn thất trong sản xuất gây thiệt hại tài sản của Công ty như: Công ty luôn theo dõi, kiểm soát chặt chẽ các thiết bị, máy móc, thao tác vận hành; Có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động như: thiết bị áp lực, dung môi, hóa chất nhằm đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy nổ; Đào tạo, huấn luyện và trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho 100% người lao động trong Công ty. Công ty thành lập Hội đồng bảo hộ lao động để thường xuyên giám sát, kiểm tra, nhắc nhở đôn đốc người lao động chấp hành an toàn lao động, phòng chống cháy nổ khi làm việc tại các phòng ban, phân xưởng.

- Chất lượng sản phẩm:

- Kiểm tra, kiểm soát, thực hiện và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.




- Kiểm soát 100% nguyên liệu đầu vào, đảm bảo nguyên liệu phù hợp với quy định nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Kiểm soát 100% sản phẩm ra thị trường đạt chất lượng như công bố tại cơ quan nhà nước.

- Trách nhiệm đối với người tiêu dùng: bảo vệ sức khỏe của người tiêu dùng luôn luôn là ưu tiên hàng đầu. Vì vậy, Công ty luôn sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc và xuất xứ rõ ràng, đạt yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm nhằm tạo ra những sản phẩm đạt chất lượng, đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm, đảm bảo cung cấp cho thị trường sản phẩm nước giải khát có chất lượng tốt



BÁO CÁO CHÍNH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG

Các chỉ tiêu về thu nhập Bình quân đầu người	TH Y.2017	TH Y 2016	%
Lao động BQ năm	440	424	
Quỹ tiền lương	41,750,000,000	47,000,000,000	
Trích quỹ KTPL	-	5,811,175,985	
Thu nhập BQ (đ/người/tháng)	8,015,518	9,827,159	

1. CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG

- Công ty đang thực hiện việc, trả lương cho người lao động theo vị trí công việc. Tuy nhiên hàng tháng phải căn cứ vào kết quả thực hiện thực tế của kinh doanh xác định quỹ tiền lương tháng để chi trả. Do vậy toàn thể CBCNV Công ty phải nỗ lực phấn đấu để đạt mức lương vị trí công việc như đã thỏa thuận. Ban điều hành Công ty đã cố gắng để ra nhiều biện pháp, phương án để hoàn thành kế hoạch chỉ tiêu sản lượng kinh doanh đáp ứng đủ quỹ tiền lương để trả đúng lương vị trí công việc cho Cán bộ Công nhân viên.
- Mức lương trung bình đối với người lao động: 8.915.000 đồng/tháng

2. TUYỂN DỤNG & ĐÀO TẠO

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 36h
- Số giờ đào tạo theo nhân viên
 - + Trực tiếp: 10h
 - + Gián tiếp: 26h
- Đào tạo theo phân loại nhân viên
 - + Quản lý: 10h
 - + Nhân viên: 16h
- Các chương trình phát triển kỹ năng, học tập của nhân viên trong cty
- Các chương trình dành cho nhân viên gián tiếp và quản lý:
 - + Kỹ năng quản lý
 - + Kỹ năng lãnh đạo
 - + Kỹ năng làm việc hiệu quả
 - + Kỹ năng làm việc theo nhóm
 - + Kỹ năng giải quyết các mâu thuẫn trong công việc
- Các chương trình dành cho nhân viên trực tiếp:
 - + An toàn trong lao động, phòng chống cháy nổ
 - + An toàn vệ sinh thực phẩm
 - + Các kiến thức về luật lao động, lương, BHXH (phổ biến cho người lao động khi có thông báo, thông tư hoặc quy định mới ban hành)

3. CHẾ ĐỘ & CHÍNH SÁCH

- Công ty thực hiện đúng các quy định của nhà nước quy định như: đóng đầy đủ các loại bảo hiểm cho người lao động; ngoài ra Công ty còn thực hiện mua thêm bảo hiểm bảo hiểm sức khỏe và tai nạn nhóm cho người lao động; Người lao động có thể chọn nơi khám bệnh theo sở thích của mình sau khi khám xong làm thủ tục lấy hóa đơn về Công ty bảo hiểm sẽ chi trả lại mỗi lần được thanh toán lại 1.000.000 đ (04 lần/ 01 năm).
- Đặc biệt hơn để hỗ trợ thêm đồng thời nâng cao đời sống của người lao động, Công ty đã hỗ trợ đóng phần tiền BHXH do người lao động đóng.

4. CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các bệnh viện lớn và có uy tín trong thành phố để kịp thời phát hiện bệnh cho người lao động đi điều trị kịp thời.
- Đối với CBCNV Nữ Công ty tổ chức khám phụ khoa 01 năm 02 lần tại các bệnh viện lớn, khi phát hiện bệnh lý cho điều trị tại chỗ.
- Ngoài ra tổ chức khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV trực tiếp sản xuất.



SODA
water
CHUONG DUONG

Cam
CHUONG DUONG
Since 1952

Nha Dam
CHUONG DUONG
Since 1952

Dau
CHUONG DUONG
Since 1952

Saxi
CHUONG DUONG
Since 1952

Saxi
CHUONG DUONG
Since 1952

Cam
CHUONG DUONG
Since 1952

Cam
CHUONG DUONG
Since 1952

Dau
CHUONG DUONG
Since 1952

Chuong Duong
Bottled Drinking Water

Nha Dam
CHUONG DUONG
Since 1952

Saxi
CHUONG DUONG
Since 1952

**SỨC MẠNH
ẨN PHÍA DƯỚI
CÁC THƯƠNG HIỆU
ĐƯỢC
YÊU THÍCH**

Chuong Duong
Bottled Drinking Water

SODA
water
CHUONG DUONG

Nha Dam
CHUONG DUONG
Since 1952

Chuong Duong
Bottled Drinking Water

Dau
CHUONG DUONG
Since 1952

Cam
CHUONG DUONG
Since 1952

Dau
CHUONG DUONG
Since 1952

Dau
CHUONG DUONG
Since 1952

SODA
water
CHUONG DUONG

Cam
CHUONG DUONG
Since 1952

Saxi
CHUONG DUONG
Since 1952

SODA
water
CHUONG DUONG

Chuong Duong
Bottled Drinking Water

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG TRẦN ĐỨC HÒA

Sinh năm: 1959
Chủ tịch Hội đồng quản trị

ÔNG VÕ VĂN THỌ

Sinh năm: 1962
Ủy viên Hội đồng Quản trị

ÔNG LÊ TUẤN

Sinh năm: 1961
Ủy viên Hội đồng Quản trị

ÔNG PHẠM TẤN LỢI

Sinh năm: 1975
Ủy viên Hội đồng Quản trị

BÀ TRẦN LÊ HOA

Sinh năm: 1975
Ủy viên Hội đồng Quản trị

BAN KIỂM SOÁT

ÔNG NGUYỄN KIẾN QUỐC

Sinh năm: 1976
Trưởng Ban Kiểm Soát

BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Sinh năm: 1977
Ủy viên Ban kiểm soát

ÔNG LÝ MINH HOÀNG

Sinh năm: 1987
Ủy viên Ban kiểm soát

BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG VÕ VĂN THỌ

Sinh năm: 1962
Tổng Giám đốc
Kiêm Giám Đốc Kinh Doanh

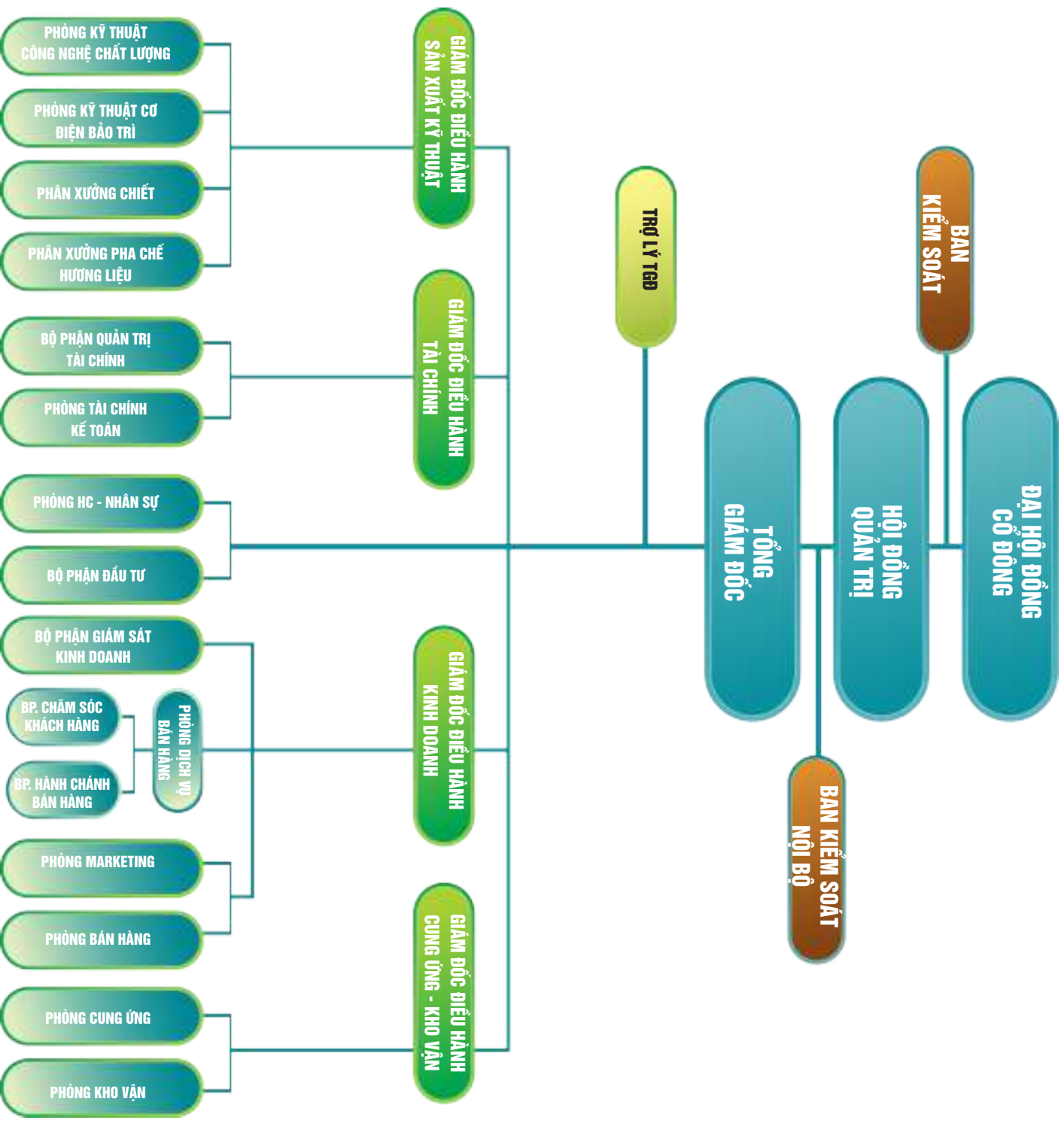
BÀ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG

Sinh năm: 1976
Giám đốc Tài chính

ÔNG HOÀNG QUANG DŨNG

Sinh năm: 1975
GD Điều hành sx Kỹ thuật kiêm
GD Điều hành Cung ứng Kho vận

CƠ CẤU TỔ CHỨC





VITAMIN
C

KHÔNG
CHẤT
BẢO QUẢN

KHÔNG
PHỤ GIA

VITAMIN
C

KHÔNG
CHẤT
BẢO QUẢN

KHÔNG
PHỤ GIA

Nha đăm Chuong Duong
tươi trẻ
mỗi ngày

SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHUONG DUONG

606 VÕ VĂN KIẾT, P. CẦU KHO, QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM ĐT: (84-28) 38367518 / 38368747 - FAX: (84-28) 38367176

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 2018

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

Các chỉ tiêu	KH 2018 (ngày 25/5/2018 đã gửi TCT, đang đợi phê duyệt)	Năm 2017	Năm 2016	% KH 2018 so TH 2017
Sản lượng tiêu thụ (Lít)	32,899,798	29,292,690	37,784,922	112.3%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	439,230,192,873	356,853,086,102	449,372,715,733	123.0%
Các khoản giảm trừ doanh thu	15,598,513,755	29,555,488,703	32,366,745,276	52.7%
Doanh thu bán hàng hóa & cung cấp dịch vụ thuần	423,631,679,118	327,297,597,399	417,005,970,457	129.4%
Giá vốn hàng bán	274,455,474,872	252,708,169,775	293,231,679,856	108.6%
Lợi nhuận gộp	149,176,204,246	74,589,427,624	123,774,290,601	200.0%
Doanh thu tài chính	6,807,867,442	6,604,156,228	6,866,527,878	103.0%
Chi phí tài chính	7,666,290	248,221,597	60,467,832	3.0%
Chi phí bán hàng	80,812,154,834	48,601,039,081	58,218,851,250	166.2%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	49,933,215,081	35,541,302,256	35,438,093,162	140.4%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	25,231,035,483	(3,196,979,082)	36,923,406,235	
Thu nhập khác	1,473,986,254	466,371,020	4,265,975,480	316.0%
Chi phí khác	44	521,395	3,306,105,226	0.01%
Lợi nhuận khác	1,473,986,210	465,849,625	959,870,254	316.4%
Tổng lợi nhuận trước thuế	26,705,021,693	(2,731,129,457)	37,883,276,489	
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	4,812,643,671	836,276,672	7,877,414,283	575.4%
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(528,360,668)	528,360,668		
Lợi nhuận sau thuế	21,364,017,354	(3,039,045,461)	30,005,862,206	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,520	(358)	3,539	
Nộp ngân sách nhà nước	33,659,408,050	22,108,332,422	35,100,343,555	152.2%
Tổng chi phí	420,807,024,876	366,654,742,807	422,621,942,602	114.7%
Tổng Doanh thu (không giảm trừ)	447,512,046,569	363,923,613,350	460,505,219,091	122.9%

GIẢI PHÁP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NHÀ MÁY MỚI

Đang đẩy nhanh tiến độ lập dự án xây dựng nhà máy mới để có thể sản xuất những sản phẩm đạt chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường, tiết giảm chi phí sản xuất hạ giá thành sản phẩm. Hiện nay dự án xây dựng nhà máy mới đang được F&N (ThaiBev) đặc biệt quan tâm, đang hoàn chỉnh các nội dung dự án theo góp ý của các chuyên gia F&N để báo cáo SABECO thẩm định và phê duyệt.

GIẢI PHÁP TÁI CƠ CẤU NHÂN SỰ

Điều chuyển, phân bổ nguồn lực nhân sự bán hàng: về từng địa bàn NPP thực hiện đúng chức năng xây dựng, phát triển thị trường. Thực hiện huấn luyện và đào tạo nhân viên các cấp phòng bán hàng. Nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Xây dựng chính sách khen thưởng - kỷ luật: thực hiện đo lường bằng các chỉ tiêu KPIs. Hiệu chỉnh chính sách lương, thưởng: đo lường bằng kết quả doanh số kinh doanh thực hiện. Tái cấu trúc nhân sự đội ngũ kinh doanh: Mạnh dạn đánh giá và thay đổi các nhân sự không đáp ứng yêu cầu công việc.

GIẢI PHÁP CẢI TỔ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Lập kế hoạch định biên hệ thống NPP trên toàn quốc. Thực hiện tái cấu trúc toàn bộ hệ thống phân phối: rà soát đánh giá, kiện toàn các NPP chiến lược đảm bảo mục tiêu phát triển dài hạn cùng với Công ty. Hệ thống NPP phải cam kết phát triển, tuân thủ các chính sách/ qui định của Công ty. Đảm bảo NPP phải kinh doanh đầy đủ các sản phẩm của Công ty. Mạnh dạn tung sản phẩm mới. Tái tung các dòng sản phẩm hiện hữu.

GIẢI PHÁP CẢI TỔ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI

Xem xét, đánh giá, hiệu chỉnh toàn bộ các chính sách thương mại. Đảm bảo đáp ứng việc phát triển ổn định – đảm bảo quyền lợi các bên và đảm bảo lợi nhuận Công ty. Mạnh dạn không áp dụng chính sách bán hàng không thường xuyên, chuyển ngân sách thực hiện sang các chương trình đúng mục tiêu: hỗ trợ phát triển thị trường. Xây dựng các chính sách bán hàng phải có các tiêu chí KPIs: kiên quyết thực hiện các biện pháp chế tài trong việc NPP không tuân thủ chính sách Công ty như bán phá giá/ phá vùng. Từng bước điều chỉnh các chính sách bán hàng hỗ trợ NPP: lưu kho, công nợ, hỗ trợ giao hàng sẽ không được áp dụng. Nhằm đảm bảo kế hoạch sản xuất và không áp lực kho bãi của Công ty. Xem xét, hiệu chỉnh chính sách hỗ trợ nhân viên bán hàng tại NPP đảm bảo NPP không đưa chi phí này vào việc giảm giá thành, giảm lợi nhuận.

GIẢI PHÁP CẢI TỔ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU

Tái định vị toàn bộ hệ thống thương hiệu. Thay đổi mẫu mã bao bì. Lập Brand key theo từng nhãn hàng. Tuân thủ thực hiện đúng các chiến lược Marketing đã đề ra. Đánh giá và sử dụng nguồn ngân sách Marketing hết sức hiệu quả. Ưu tiên sử dụng nguồn ngân sách trong việc xây dựng: các chương trình/ hình ảnh tại điểm bán, hỗ trợ điểm bán và tiếp cận gia tăng nhận biết đối với người tiêu dùng/ gia tăng doanh số. Lập kế hoạch Marketing tổng thể trong việc tung sản phẩm mới và tái tung sản phẩm. Tối ưu hoá các chiến lược truyền thông trên hệ thống Digital Marketing để phù hợp với nguồn ngân sách hiện có.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN 2018 (Tiếp theo)

KẾ HOẠCH ĐỊNH BIÊN NHÂN SỰ

Các chỉ tiêu	KH 2018	Năm 2017	Năm 2016	% KH 2018 so 2017
Lao động BQ năm	440	440	424	100.0%
Quỹ tiền lương	49,982,510,563	41,750,000,000	47,000,000,000	83.5%
Trích quỹ KTPL	1,068,200,868	-	5,811,175,985	0.0%
Thu nhập BQ (đ/người/tháng)	9,687,218	8,015,518	9,827,159	81.6%

CÁC CHỈ TIÊU TRỌNG TÂM, 2018

Nội dung	Thực hiện 2017 (Đã kiểm toán)	Kế hoạch 2018	% 2018/2017
Sản lượng tiêu thụ	29,292,690	32,899,798	112.3%
Tổng Doanh thu (không giảm trừ)	363,923,613,350	447,512,046,569	122.9%
Tổng Chi phí	366,654,742,784	420,807,024,876	114.7%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(2,731,129,457)	26,705,021,693	(977.8%)
Nộp ngân sách nhà nước	22,108,332,422	33,659,408,050	152.2%

KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, 2018

Nội dung	Thực hiện 2017 (Đã kiểm toán)	Kế hoạch 2018	% 2018/2017
Chi phí khối bán hàng	78,156,527,784	96,410,668,589	198.37%
Quỹ tiền lương	41,750,000,000	49,982,510,563	119.72%
Chi phí vận chuyển thuê ngoài	9,087,822,000	11,099,549,366	122.14%
Tiền thuê đất không bg Becamex	10,197,261,462	10,276,879,350	100.78%
Giá vốn hàng bán	252,708,169,775	274,455,474,872	108.61%

Chỉ tiêu	Đơn vị tính
1.Trích quỹ đầu tư phát triển	Đã trích nhiều hơn vốn điều lệ nên không trích nữa. (thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh xã hội) Lợi nhuận thực hiện bằng kế hoạch, quỹ KTPL tối đa không quá 03 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động. Lợi nhuận vượt kế hoạch được trích thêm bằng 20% lợi nhuận thực hiện vượt KH nhưng tối đa không quá 03 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người lao động. Lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn KH thì quỹ thưởng của người quản lý Công ty không quá 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý.
2.Trích quỹ khen thưởng phúc lợi:	
- Hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 2018	
- Vượt mức kế hoạch lợi nhuận 2018	
Trích quỹ thưởng của người quản lý Công ty	
Tỷ lệ chi trả cổ tức/Vốn Điều lệ năm 2018	20%

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VỀ BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2017, Ban Điều hành Công ty đã có nhiều cố gắng trong các mặt hoạt động, điều hành Công ty, nhất là đối với công tác sản xuất kinh doanh, công tác thị trường cũng như trong việc tiêu thụ sản phẩm. Các khó khăn chính trong công tác kinh doanh năm 2017 đó là:

- Các đối thủ lớn đã xây dựng chiến lược giá thấp cho dòng sản phẩm sá xị với mục tiêu cạnh tranh về giá để chiếm lĩnh thị trường trong dòng sản phẩm chủ lực của Chương Dương.
- Thiết bị của Chương Dương được đầu tư từ những năm 2000 đã không còn đáp ứng được yêu cầu sản xuất những sản phẩm chất lượng ngoài sá xị đáp ứng nhu cầu thị trường cũng như hao phí cao không thể hạ giá thành sản phẩm để cạnh tranh.
- Chính sách của Nhà nước về điều kiện ghi nhận doanh thu, trích đúng và đủ chi phí và trích lập dự phòng về vật tư, hàng hóa chậm luân chuyển niên độ 2017 làm thay đổi tập quán bán hàng công nợ của Chương Dương và giảm lợi nhuận một cách đáng kể.
- Kinh phí dành cho hỗ trợ bán hàng và làm hình ảnh để tạo lực kéo rất hạn chế, không thể cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành.
- Năm 2017 tình hình thời tiết không thuận lợi, mưa bão, lụt lội nhiều gây khó khăn rất lớn cho hoạt động bán hàng, người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu, NPP chỉ lấy hàng cầm chừng đủ theo nhu cầu tiêu thụ của người tiêu dùng. Do nhiều yếu tố khách quan, điều kiện kinh doanh, năng lực tài chính, tác động của sự cạnh tranh.... Ban Điều hành dù hết sức cố gắng nhưng vẫn không đạt được kết quả như mong muốn.

VỀ MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI

- Nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua việc cung cấp các sản phẩm nước giải khát chất lượng cao, an toàn và bổ dưỡng.
- Mang lại lợi ích thiết thực cho nhà nước, cổ đông, khách hàng, đối tác, người lao động và xã hội.
- Bảo vệ người tiêu dùng thông qua hệ thống công nghệ được kiểm soát chặt chẽ, chung tay vì cộng đồng, bảo đảm môi trường.

ĐỊNH HƯỚNG 2018

- Phấn đấu vượt sản lượng tiêu thụ hàng năm, bảo đảm các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, cổ tức theo kế hoạch năm 2018.
- Tái cấu trúc Công ty theo hướng phát triển bền vững. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Đầu tư cho công tác tiêu thụ và thị trường: xây dựng hệ thống phân phối truyền thống bền vững, xây dựng đội ngũ bán hàng theo hướng chuyên nghiệp, đẩy mạnh các hoạt động marketing.
- Tái tung hình ảnh thương hiệu Sá xị Chương Dương, cải tiến mẫu mã bao bì phù hợp với thị trường. Nghiên cứu cho ra đời các sản phẩm mới, sản phẩm dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng.
- Giữ vững chất lượng sản phẩm, bảo đảm tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm. Kiểm tra nghiêm ngặt nguyên vật liệu đầu vào, quá trình và đầu ra, chung tay vì cộng đồng, bảo đảm môi trường.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện dự án xây dựng Nhà máy mới nhằm phát triển quy mô sản xuất, đổi mới công nghệ, cho ra đời sản phẩm đa dạng, đảm bảo tiêu chuẩn, đủ sức cạnh tranh trên thị trường nước giải khát tại VN.
- Xin ý kiến chủ sở hữu phê duyệt để khai thác có hiệu quả các khu đất nhằm mang lại lợi ích tối đa cho Công ty.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Đảm bảo đời sống thu nhập cho cán bộ, công nhân viên.

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG VÀ HIỆU QUẢ KINH DOANH CÔNG TY SAU GIAI ĐOẠN 5 NĂM

- Phương thức kinh doanh (như tập trung kinh doanh, bán cho 1 số NPP cấp 1 lớn, trong khi công tác phát triển thị trường chưa được chú trọng, đầu tư tương xứng hoặc chưa mang lại hiệu quả kỳ vọng. Việc quản lý, chính sách kinh doanh vẫn duy trì như cũ, trong thực tiễn bộc lộ nhiều yếu điểm về mặt chiến lược lẫn thực thi ...
- Tình hình tài chính công ty diễn biến theo chiều hướng kém hơn khi nguồn tiền thặng dư từ hoạt động kinh doanh giai đoạn trước suy giảm liên tục, kéo theo sức mạnh tài chính nội tại giảm sút do hệ lụy từ hoạt động kinh doanh suy giảm. Điều này chắc chắn tạo ra những ảnh hưởng không tốt đến hoạt động và khả năng tái đầu tư để phát triển trong giai đoạn tới.

ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Chưa có 1 định hướng chiến lược rõ ràng về đầu tư, thương hiệu, sản phẩm & cạnh tranh để gia tăng sức mạnh doanh nghiệp và cải thiện hiệu quả hoạt động trong dài hạn. Sự yếu thế trong các hoạt động quảng bá khiến thương hiệu bị lu mờ, người tiêu dùng gần như không biết đến các sản phẩm khác của Chương Dương ngoài sá xị.

- Việc quản trị, kiểm soát chi phí của Công ty chưa hiệu quả dẫn đến một số chi phí tăng cao, trong khi công tác quản lý, giám sát của HĐQT và việc thực thi các quy chế, quy định quản lý chưa có tác dụng như mong đợi

Việc triển khai công tác đầu tư xây dựng Nhà máy mới còn chậm, kéo dài trong khi hoạt động của sản xuất của Nhà máy tại khu đất 606 Võ Văn Kiệt hiện nay đang gặp nhiều khó khăn liên quan đến pháp luật về môi trường, chi phí thuê đất cao ... ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD và rủi ro cho Công ty.

- Chưa thiết lập được hệ thống quản lý rủi ro, mà cơ bản là bộ máy kiểm soát nội bộ để thực hiện công tác giám sát thường xuyên, liên tục hoạt động của Công ty, đặc biệt là đảm bảo việc tuân thủ các định hướng, chính sách, quy trình, thủ tục liên quan đến hoạt động hỗ trợ trợ bán hàng và các quy trình quản lý/ghi nhận doanh thu, chi phí phí, kiểm soát hàng hóa, công nợ ... nhằm giảm thiểu rủi ro cho Công ty. Mặc dù Hội đồng quản trị đã có nghị quyết về việc thành lập Ban kiểm soát nội bộ, tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực hiện, về việc này Ban kiểm soát đã có khuyến nghị với HĐQT và Báo cáo Đại hội 2017, đề nghị HĐQT tiếp tục xem xét, chỉ đạo triển khai.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ CÔNG TÁC CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Mã số	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	KH 2017	TH 2016	Tỷ lệ (TH17/ KH 17)	Tỷ lệ (TH17/ TH16)
	Sản lượng	1000 lit	29.17	38.89	37.78	75.0%	77.2%
1	Doanh thu bán hàng	Triệu đ	356,853.09	470,847.04	449,372.72	75.8%	79.4%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	""	29,555.49		32,366.75		91.3%
10	Doanh thu thuần về bán hàng	""	327,297.60	470,847.04	417,005.97	69.5%	78.5%
11	Giá vốn hàng bán	""	252,708.17	318,937.16	293,231.68	79.2%	86.2%
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	""	74,589.43	151,909.87	123,774.29	49.1%	60.3%
21	Doanh thu hoạt động tài chính	""	6,604.16	20,180.67	6,866.53	32.7%	96.2%
22	Chi phí tài chính	""	248.22	6,620.00	60.47	3.7%	410.5%
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	""	225.56				
25	Chi phí bán hàng	""	48,601.04	89,133.77	58,218.85	54.5%	83.5%
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	""	35,541.30	41,384.08	35,438.09	85.9%	100.3%
30	(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	""	(3,196.98)	34,952.69	36,923.41	(9.1%)	(8.7%)
31	Thu nhập khác	""	466.37	3,000.00	4,265.98	15.5%	10.9%
32	Chi phí khác	""	0.52	-	3,306.11		0.0%
40	Lợi nhuận khác	""	465.85	3,000.00	959.87	15.5%	48.5%
50	Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	""	(2,731.13)	37,952.69	37,883.28	(7.2%)	(7.2%)
	Trong đó:						
	Lợi nhuận từ SXKD chính	""	(9,552.91)	21,392.02	30,117.35	(44.7%)	(31.7%)
	Lợi nhuận HĐ tài chính	""	6,355.93	13,560.67	6,806.06	46.9%	93.4%
	Lợi nhuận HĐ khác	""	465.85	3,000.00	959.87	15.5%	48.5%

MỘT SỐ Ý KIẾN VÀ ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Kế hoạch phát triển sản phẩm mới, bao bì mới cần có định hướng rõ ràng về định vị thương hiệu, khách hàng mục tiêu, thị trường tiêu thụ, định vị giá bán cũng như là các phương thức marketing, truyền thông và chiêu thị phù hợp, được hoạch định rõ ràng, bài bản để hạn chế tối đa rủi ro thất bại, thất thoát chi phí đầu tư, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm.

- Cũng cố và phát triển mạng lưới phân phối; kết hợp chính sách bán hàng để tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm, đồng thời kiểm soát chặt chẽ chi phí để đảm bảo lợi nhuận đạt theo kế hoạch, vực dậy tình trạng kinh doanh đang trì trệ như hiện nay.

- Có biện pháp và hành động đưa cổ phiếu công ty khỏi diện cảnh báo trên thị trường chứng khoán, vực dậy niềm tin cho các cổ đông.

- Hoàn thiện mô hình bộ máy quản lý theo hướng chuyên môn hóa các chức năng, giảm tình trạng kiêm nhiệm nhằm gia tăng hiệu quả quản lý và hạn chế các rủi ro do cơ chế kiêm nhiệm phát sinh.

- Thực hiện ngay việc xây dựng bộ máy kiểm soát (xây dựng chức năng nhiệm vụ, thực hiện công tác thuê tuyển và vận hành) đảm bảo tính độc lập, khách quan trong công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động nhằm ngăn ngừa, hạn chế rủi ro cho Công ty.
- Về dài hạn, HĐQT cần xây dựng định hướng kinh doanh chiến lược cho nhiệm kỳ 5 năm tới và các mục tiêu kinh doanh phù hợp để từng bước vực dậy thương hiệu Chương Dương và cải thiện hiệu quả kinh doanh, đảm bảo lợi ích cho cổ đông. HĐQT cũng cần xây dựng khung quản trị rủi ro (gồm bộ máy nhân sự phụ trách và các chính sách quản lý rủi ro) để thường xuyên theo dõi, đánh giá, quản lý rủi ro ở mọi cấp độ cho Công ty trong hoạt động kinh doanh của Công ty trong nhiệm kỳ tới.
- Đẩy mạnh công tác Nghiên cứu & Phát triển (R&D) nhằm đổi mới thương hiệu, sản phẩm tránh bị động trước các xu hướng và thị hiếu tiêu dùng trên thị trường.

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

- Tiếp tục giám sát và đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2018. Kiểm tra, giám sát việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với quy định của pháp luật.
- Tham gia ý kiến, tham mưu cho HĐQT, Ban điều hành đặc biệt là những vấn đề tiềm tàng, có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động Công ty. Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động của Công ty trong các lĩnh vực bán hàng, thị trường, đầu tư, cung ứng ...

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017 SO VỚI NĂM 2016

Bảng 1 – KQKD 2017- 2016

Chỉ tiêu cơ bản	NĂM 2016	NĂM 2017	% tăng/giảm
Doanh thu thuần	417,005,970,457	327,297,597,399	(21.51%)
Lợi nhuận từ HĐKD	30,117,346,189	(9,552,0913,713)	(131.72%)
Lợi nhuận khác+ tài chính	7,765,930,300	6,821,784,256	(12.16%)
Lợi nhuận trước thuế	37,883,276,489	(2,731,129,457)	(107.21%)
Lợi nhuận sau thuế	30,005,862,206	(3,039,045,461)	(110.13%)
Nộp ngân sách nhà nước	35,100,343,555	22,108,332,422	(37.02%)

VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2017 SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2017

Bảng 2 – KQKD TH.2017-KH.2017

Chỉ tiêu cơ bản	KH 2017	TH 2017	% TH/ KH 2017
Doanh thu thuần	494,027,707,664	327,297,597,399	(33.75%)
Lợi nhuận từ HĐKD	21,392,021,803	(9,552,0913,713)	(144.66%)
Lợi nhuận khác+ tài chính	16,560,672,389	6,821,784,256	(58.81%)
Lợi nhuận trước thuế	37,952,694,192	(2,731,129,457)	(107.20%)
Lợi nhuận sau thuế	30,362,155,354	(3,039,045,461)	(110.01%)
Nộp ngân sách nhà nước	31,569,320,176	22,108,332,422	(29.97%)



Bảng 3 – CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

Chỉ tiêu cơ bản	NĂM 2016	NĂM 2017	% tăng/giảm
Doanh thu thuần	417,005,970,457	327,297,597,399	(21.51%)
Lợi nhuận từ HĐKD	30,117,346,189	(9,552,0913,713)	(131.72%)
Lợi nhuận khác+ tài chính	7,765,930,300	6,821,784,256	(12.16%)
Lợi nhuận trước thuế	37,883,276,489	(2,731,129,457)	(107.21%)
Lợi nhuận sau thuế	30,005,862,206	(3,039,045,461)	(110.13%)
Nộp ngân sách nhà nước	35,100,343,555	22,108,332,422	(37.02%)
Chỉ số hiệu quả hoạt động (lần/năm)	NĂM 2016	NĂM 2017	% tăng/giảm
Vòng quay hàng tồn kho (ngày)	22	28	27.27%
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	17	13	(23.53%)
Vòng quay Khoản phải thu (ngày)	56	74	32.14%
Vòng quay Khoản phải thu (lần)	7	5	(28.57%)
Vòng quay của Tài sản (lần)	1.45	1.39	(4.14%)
Hiệu quả về quản lý (%)	NĂM 2016	NĂM 2017	% tăng/giảm
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	7.20%	(0.93%)	(112.90%)
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu	14.11%	(1.64%)	(111.60%)
Hệ số LNST/Tổng Tài sản	10.18%	(1.27%)	(112.43%)
Tỷ lệ trả cổ tức	25.00%		(100.00%)

Bảng số 4- MÃ CHỨNG KHOÁN & VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ	VNĐ	85,000,000,000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	VNĐ	85,000,000,000
Số lượng cổ phần phát hành	Cổ phần	8,500,000
Mệnh giá cổ phiếu	VND/Share	10,000
Loại cổ phiếu	phổ thông/Common Stock	
Số lượng cổ phần đang lưu hành	Cổ phần	8,477,640
Cổ phiếu quỹ	Cổ phần	22,360
Giá trị sổ sách (đến 31/12/2017)	đồng/cổ phiếu	

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần đang nắm giữ
Số lượng cổ đông là tổ chức	19	6,458,880
Trong đó tổ chức nước ngoài	13	786,380
Số lượng cổ đông là cá nhân	501	2,018,760
Trong đó cá nhân nước ngoài	36	103,600
Cổ đông lớn/chiến lược		
Saigon Beer-Alcohol-Beverage Corporation	62.06%	5,261,500
Cổ đông nhỏ từ ≤ 5%	19.33%	1,638,950
các tổ chức / cá nhân khác còn lại	18.60%	1,577,190

Cấu trúc tài sản	NĂM 2016	NĂM 2017	% tăng/giảm (2017/2016)
Tổng tài sản	294,615,102,186	240,022,328,156	(18.53%)
Tài sản ngắn hạn	242,516,249,560	192,288,057,739	(20.71%)
Tài sản dài hạn	52,098,852,626	47,734,270,417	(8.38%)
Vòng quay của Tài sản (lần)	1.45	1.39	(4.14%)

Nợ phải trả	NĂM 2016	NĂM 2017	% tăng/giảm (2017/2016)
	81,900,153,681	54,351,114,876	(33.64%)
Nợ ngắn hạn	81,280,153,681	53,631,114,876	(34.02%)
Nợ dài hạn	620,000,000	720,000,000	16.13%
Vốn chủ sở hữu	212,714,948,505	185,671,213,280	(12.71%)

Hệ số thanh toán nhanh	0.72	1.17	62.30%
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.86	2.01	8.50%

Nợ/Tổng Tài sản	0.28	0.23	(18.54%)
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.39	0.29	(23.97%)



KÍNH GỬI: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH QUÝ CỔ ĐỒNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Về việc: Giải trình ý kiến nhấn mạnh của Kiểm toán độc lập trên Báo cáo tài chính niên độ 31/12/2017

Căn cứ theo thông báo số 508/SgDHCM-NY của Sở GDCK TP.HCM đưa cổ phiếu của Công ty Chương Dương vào diện cảnh báo.

Theo đó, Quý Sở đã yêu cầu Công ty Chương Dương giải trình “ý kiến nhấn mạnh của kiểm toán trong BCTC niên độ 2017, nguyên nhân và phương án khắc phục”

Công ty Chương Dương chúng tôi trân trọng trình bày đến Quý Cổ đồng và Nhà đầu tư chi tiết như sau:

- Năm 2017, kết quả kinh doanh lỗ (3.039.045.461) đồng vì sản lượng và doanh thu bán hàng sụt giảm so với năm 2017 và không đạt kế hoạch năm 2017 (chỉ đạt 75% kế hoạch năm 2017) và Tổng chi phí Năm 2017 giảm so với năm 2016 nhưng tỷ lệ của chi phí giảm không cân xứng với doanh thu sụt giảm nên kết quả kinh doanh bị lỗ, Công ty đã giải trình và công bố thông tin bằng văn bản số 208/CD ngày 29/3/2018.

Ý kiến nhấn mạnh của kiểm toán viên PwC ngày 29/3/2018 “không đưa ra ý kiến ngoại trừ, kiểm toán viên lưu ý đến thuyết minh số 2.15 trên BCTC tại ngày 31/12/2017, Công ty Chương Dương đã chưa ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho nhân viên do áp dụng theo thông tư số 180/2012/TT-BTC được Bộ Tài Chính ban hành ngày 24/10/2012. Việc áp dụng thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18-Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Nếu áp dụng CMKTVN 18 này, ước tính khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31/12/2017 cần phải lập là 10.112.162.500 đồng (tại ngày 31/12/2016 là 9.253.768.493 đồng) và nếu ghi nhận chi phí ước tính này sẽ tăng khoảng lỗ lũy kế tương ứng”

Ngày 14/8/2013, khi thực hiện soát xét BCTC bán niên 2013, Kiểm toán viên độc lập PwC cũng đã trao đổi vấn đề này với Doanh nghiệp và ước tính số phải trích tại 31/12/2012 là 16.797.165.890 đồng và số ghi nhận thiếu đến 31/12/2013 là 9.974.770.041 đồng và ý kiến nhấn mạnh trình bày trên BCTC cuối niên độ 2013 vào ngày 21/02/2014

Ngày 12/11/2013, Chúng tôi đã xin ý kiến hướng dẫn của Bộ tài Chính bằng văn bản số 633/CD ngày 12/11/2013 để đề nghị Bộ Tài Chính hướng dẫn trích lập trợ cấp nghỉ việc đối với Người lao động giai đoạn từ ngày 01/01/2009 trở về trước vì từ ngày 01/01/2009 đã có bảo hiểm thất nghiệp.

Ngày 03/12/2013, Cục tài chính Doanh Nghiệp – Bộ Tài chính đã có công văn số 16709/BTC-TCDN hướng dẫn Công ty Chương Dương thực hiện việc trích lập dự phòng trợ cấp nghỉ việc đối với người lao động theo thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012. Đồng thời Công ty ABC cũng đã có văn bản Giải trình ý kiến nhấn mạnh vấn đề này tại văn bản số 475/CD ngày 22/8/2014 công bố đến HoSE và Nhà đầu tư.

Kết thúc niên độ 31/12/2017, kiểm toán viên PwC tiếp tục có ý kiến nhấn mạnh vấn đề này, số tiền ước tính phải trích là 10,11 tỷ đồng đã giảm 6.6 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2012 (ước tính 16.7 tỷ đồng) vì lý do người lao động trong 5 năm qua đã nghỉ khá nhiều (số tiền trích ước tính chưa giảm tương ứng vì Mức lương thực tế trả người lao động trong vài năm qua có điều chỉnh tăng) và Công ty đã chi trợ cấp ghi nhận chi phí vào tại thời điểm phát sinh nghỉ việc của NLĐ theo hướng dẫn thông tư 180 nêu trên.

Từ các năm 2016 về trước Công ty Chương Dương đã thực hiện theo đúng các Quy định áp dụng cho Doanh nghiệp cổ phần có vốn của Nhà nước chi phối (62% vốn Nhà nước tại Chương Dương) và trước khi thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan đến Tài chính, thuế... đều được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản trị Công ty.

Tháng 12 năm 2017, sự kiện Nhà đầu tư Thaibev đã nắm giữ cổ phần chi phối tại Công ty Mẹ (SABECO) dẫn đến cơ cấu cổ đông lớn, cổ đông chiến lược tại Công ty Chương Dương cũng bắt đầu có sự thay đổi. Tổng Công ty Mẹ (Sabeco) đã kiến nghị và chỉ đạo Chương Dương phải thực hiện trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp nghỉ việc trong niên độ 2017. Tuy nhiên Năm 2017, do tình hình hoạt động kinh doanh đã bi thảm, nếu phải trích lập thêm khoản dự phòng này thì gánh nặng thua lỗ sẽ nhiều hơn nên Chương Dương tạm thời chưa trích lập.

Văn bản giải trình số 208/CD ngày 29/3/2018 Lãnh đạo Công ty Chương Dương hoàn toàn tin tưởng kết quả kinh doanh có lãi để khắc phục, bù lỗ hoạt động SXKD của đơn vị và đã xây dựng kế hoạch trích lập nguồn chi phí trợ cấp mất việc này trong Niên độ 2018.

Trân trọng giải trình đến Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.Hồ Chí Minh và Quý Nhà Đầu tư được rõ và đính kèm theo đây là công văn hướng dẫn số 16709/BTC-TCDN ngày 03/12/2013 của Bộ Tài chính).

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) được lập vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 29 tháng 3 năm 2018. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 2.15 của báo cáo tài chính cho thấy tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho nhân viên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng (“CMKTVN 18”). Nếu Công ty áp dụng CMKTVN 18 nói trên, ước tính khoản dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần phải lập là 10.112.162.500 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 9.253.768.493 đồng Việt Nam) và lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ tăng một khoản tương ứng.

Vấn đề khác

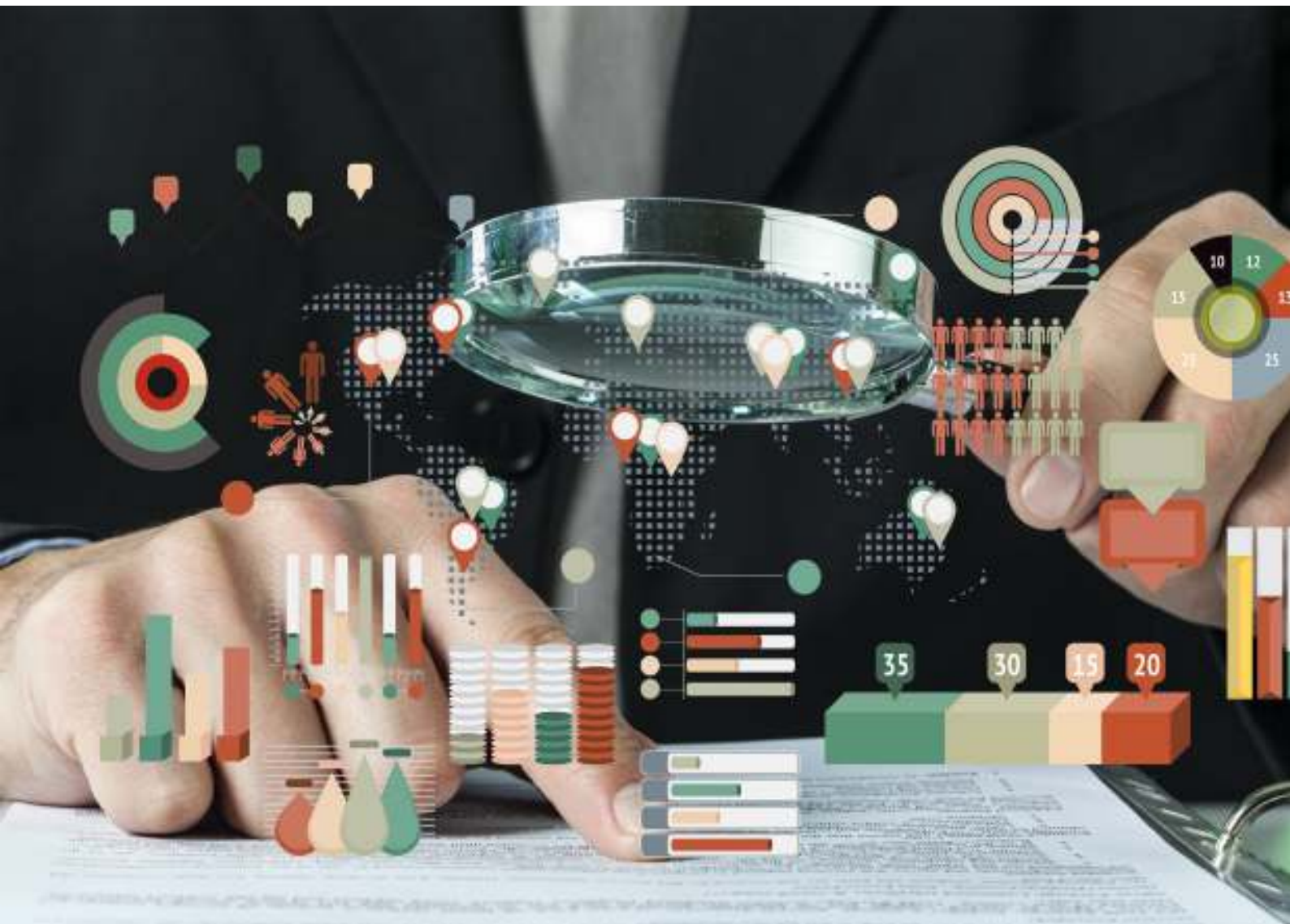
Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2016 đã được một công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 2 tháng 3 năm 2017.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

Quách Thành Châu
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0875-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Lương Thị Ánh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2017-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM6954
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018



TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 33. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MÃ SỐ	TÀI SẢN	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31.12.2017 VND	TẠI NGÀY 31.12.2016 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		192.288.057.739	242.516.249.560
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	62.944.437.528	58.778.051.271
111	Tiền		42.944.437.528	38.778.051.271
112	Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	20.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		45.000.000.000	92.000.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(a)	45.000.000.000	92.000.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		58.892.937.520	76.642.832.767
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	58.279.909.057	74.635.321.862
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		207.129.495	362.493.976
136	Phải thu ngắn hạn khác		805.489.180	1.755.116.937
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(399.590.212)	(110.100.008)
140	Hàng tồn kho	7	24.290.216.889	14.749.245.481
141	Hàng tồn kho		25.079.900.316	15.526.529.556
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(789.683.427)	(777.284.075)
150	Tài sản ngắn hạn khác		1.160.465.802	346.120.041
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		414.681.666	346.120.041
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12(a)	745.784.136	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

MÃ SỐ	TÀI SẢN (TIẾP THEO)	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31.12.2017 VND	TẠI NGÀY 31.12.2016 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		47.734.270.417	52.098.852.626
220	Tài sản cố định		11.169.481.044	14.414.150.304
221	Tài sản cố định hữu hình	8(a)	11.128.314.379	14.295.862.472
222	Nguyên giá		58.674.510.400	58.320.874.036
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(47.546.196.021)	(44.025.011.564)
227	Tài sản cố định vô hình	8(b)	41.166.665	118.287.832
228	Nguyên giá		1.300.192.426	1.300.192.426
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.259.025.761)	(1.181.904.594)
230	Bất động sản đầu tư		23.808.760.680	23.808.760.680
231	Nguyên giá	9	23.808.760.680	23.808.760.680
240	Tài sản dở dang dài hạn		597.880.913	378.847.205
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		597.880.913	378.847.205
250	Đầu tư tài chính dài hạn		6.500.000.000	6.500.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	6.500.000.000	6.500.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		5.658.147.780	6.997.094.437
261	Chi phí trả trước dài hạn	10	702.538.637	2.027.733.533
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28	750.573.535	222.212.867
263	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		4.205.035.608	4.747.148.037
270	TỔNG TÀI SẢN		240.022.328.156	294.615.102.186

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

MÃ SỐ	NGUỒN VỐN	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31.12.2017 VND	TẠI NGÀY 31.12.2016 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		54.351.114.876	81.900.153.681
310	Nợ ngắn hạn		53.631.114.876	81.280.153.681
311	Phải trả người bán ngắn hạn	11	25.008.062.084	39.297.153.531
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn		329.883.387	342.456.562
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12(b)	1.536.860.344	11.465.588.542
314	Phải trả người lao động	13	2.416.611.853	8.205.672.404
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	23.218.493.835	18.733.468.475
319	Phải trả ngắn hạn khác	15(a)	1.129.417.152	1.066.031.703
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	(8.213.779)	2.169.782.464
330	Nợ dài hạn		720.000.000	620.000.000
337	Phải trả dài hạn khác	15(b)	720.000.000	620.000.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		185.671.213.280	212.714.948.505
410	Vốn chủ sở hữu		185.671.213.280	212.714.948.505
411	Vốn góp của chủ sở hữu	17, 18	85.000.000.000	85.000.000.000
415	Cổ phiếu quỹ	18	(347.276.838)	(347.276.838)
418	Quỹ đầu tư phát triển	18	104.057.535.579	104.057.535.579
421	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	18	(3.039.045.461)	24.004.689.764
421a	- (Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối của các năm trước	18	-	-
421b	- (Lỗ)/LNST năm nay	18	(3.039.045.461)	24.004.689.764
440	TỔNG NGUỒN VỐN		240.022.328.156	294.615.102.186

Bùi Thị Kim Chi
Người lập

Phan Thành Nam
Kế toán trưởng

Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày

MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY	
		31.12.2017 VND	31.12.2016 VND
01	Doanh thu bán hàng	356.853.086.102	449.372.715.733
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(29.555.488.703)	(32.366.745.276)
10	Doanh thu thuần về bán hàng	327.297.597.399	417.005.970.457
11	Giá vốn hàng bán	(252.708.169.775)	(293.231.679.856)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng	74.589.427.624	123.774.290.601
21	Doanh thu hoạt động tài chính	6.604.156.228	6.866.527.878
22	Chi phí tài chính	(248.221.597)	(60.467.832)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	(225.555.556)	-
25	Chi phí bán hàng	(48.601.039.081)	(58.218.851.250)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(35.541.302.256)	(35.438.093.162)
30	(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.196.979.082)	36.923.406.235
31	Thu nhập khác	466.371.020	4.265.975.480
32	Chi phí khác	(521.395)	(3.306.105.226)
40	Lợi nhuận khác	465.849.625	959.870.254
50	Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.731.129.457)	37.883.276.489
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(836.276.672)	(7.877.414.283)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	528.360.668	-
60	(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN	(3.039.045.461)	30.005.862.206
70	(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	(690)	2.927
71	(Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu	(690)	2.927

Bùi Thị Kim Chi
Người lập

Phan Thành Nam
Kế toán trưởng

Vô Văn Thọ
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY		
		31.12.2017 VND	31.12.2016 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế Điều chỉnh cho các khoản:	(2.731.129.457)	37.883.276.489	
02	Khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”)	3.598.305.624	3.849.810.218	
03	Các khoản dự phòng	301.889.556	777.284.075	
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(6.600.661.246)	(8.257.728.678)	
06	Chi phí lãi vay	225.555.556	-	
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(5.206.039.967)	34.252.642.104	
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	16.170.870.907	(10.859.087.618)	
10	Tăng hàng tồn kho	(9.011.258.331)	(1.632.788.523)	
11	Giảm các khoản phải trả	(21.240.064.390)	(1.386.195.052)	
12	Giảm các chi phí trả trước	1.256.633.271	4.133.260	
14	Tiền lãi vay đã trả	(225.555.556)	-	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(4.970.988.343)	(9.288.934.576)	
17	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(4.988.586.008)	(5.957.628.303)	
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(28.214.988.417)	5.132.141.292	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(572.670.072)	(639.900.000)	
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	1.411.348.328	
23	Chi để gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	(263.800.000.000)	(369.900.000.000)	
24	Thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	310.800.000.000	407.900.000.000	
27	Lãi tiền gửi nhận được, cổ tức được chia	7.144.411.246	6.846.819.588	
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	53.571.741.174	45.618.267.916	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	20.000.000.000	-	
34	Tiền trả nợ gốc vay ngắn hạn	(20.000.000.000)	-	
36	Chi trả cổ tức cho chủ sở hữu	(21.190.366.500)	(12.716.460.000)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(21.190.366.500)	(12.716.460.000)	
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	4.166.386.257	38.033.949.208	
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	58.778.051.271	20.744.102.063
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	62.944.437.528	58.778.051.271

Bùi Thị Kim Chi
Người lậpPhan Thành Nam
Kế toán trưởngVõ Văn Thọ
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 242/2003/QĐ-BCN ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp.

Công ty được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 4103002362 đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất số 0300584564 ngày 24 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 21 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 71/2006/GCNCN-CNTTLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán đồ uống (không hoạt động tại khu dân cư tập trung), sản xuất kinh doanh nguyên vật liệu, bao bì, thiết bị, công nghệ ngành sản xuất đồ uống, kinh doanh nhà, môi giới bất động sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 413 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 429 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc soạn lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (“VND”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá

mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.5 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối năm. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.7 Đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Năm

- Nhà cửa, vật kiến trúc	_____	5 - 19
- Máy móc và thiết bị	_____	5 - 8
- Phương tiện vận tải	_____	6 - 8
- Dụng cụ quản lý	_____	3 - 7
- Phần mềm máy tính	_____	3 - 10
- Nhân hiệu hàng hóa	_____	10

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9 Thuê tài sản cố định

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Tổn thất bất động sản đầu tư chờ tăng giá được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy. Tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là bao bì, chai két, công cụ, dụng cụ sản xuất đã đưa vào sử dụng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Theo hướng dẫn của Cục Tài chính Doanh nghiệp trực thuộc Bộ Tài chính nêu tại Công văn số 16709/BTC-TCND ngày 3 tháng 12 năm 2013 và Công văn số 16222/BTC-TCDN ngày 3 tháng 11 năm 2015, Công ty không cần phải trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động theo quy định của Thông tư số 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Khi người lao động nghỉ việc, Công ty sẽ ghi nhận chi phí trợ cấp thôi việc khi chi trả khoản trợ cấp này.

2.16 Vốn cổ phần

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Cổ phiếu quỹ: là cổ phiếu do công ty phát hành và được mua lại bởi chính công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lỗi lũy kế: phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận thuần

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ cho việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

(b) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên.

2.18 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(c) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.20 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm bán cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí đi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.22 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm chủ yếu bao gồm các chi phí quảng cáo, chi phí lương, chi phí vận chuyển, chi phí hỗ trợ bán hàng, chi phí bao bì chai kết, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...) và chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

2.24 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.25 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

2.26 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2017 VND	2016 VND
Tiền mặt	12.777.468	143.460.273
Tiền gửi ngân hàng	42.931.660.060	38.634.590.998
Các khoản tương đương tiền (*)	20.000.000.000	20.000.000.000
	62.944.437.528	58.778.051.271

(*) Bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất 4,8%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2017		2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	45.000.000.000	45.000.000.000	92.000.000.000	92.000.000.000

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	2017		2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải khát Sài Gòn - Tây Đô	6.500.000.000	-	6.500.000.000	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này vì đây là khoản đầu tư tài chính dài hạn chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán.
Mẫu số B 09 – DN

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba	58.279.909.057	74.635.321.862

Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên
trong tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

	2017 VND	2016 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hiếu Huy	21.045.106.568	16.376.647.082
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Quốc Thắng	6.920.348.076	5.038.472.618
Công ty TNHH Thương mại Khuê Minh	8.667.195.014	-

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	481.416.667	1.025.166.667
Tạm ứng cho nhân viên	138.493.760	211.414.600
Ký quỹ, ký cược	31.000.000	339.621.544
Các khoản khác	154.578.753	178.914.126
	805.489.180	1.755.116.937

7 HÀNG TỒN KHO

	2017 VND	2016 VND
Nguyên vật liệu	9.868.511.270	10.575.402.122
Công cụ, dụng cụ	35.097.792	124.651.870
Thành phẩm	15.176.291.254	4.826.475.564
	25.079.900.316	15.526.529.556
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(789.683.427)	(777.284.075)
	24.290.216.889	14.749.245.481

8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND		Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 / 1 / 2017	7.960.750.637	39.439.159.807	10.422.795.592	498.168.000		58.320.874.036
Mua trong năm	-	353.636.364	-	-		353.636.364
Tại ngày 31 / 12 / 2017	7.960.750.637	39.792.796.171	10.422.795.592	498.168.000		58.674.510.400
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 / 1 / 2017	4.393.280.511	33.135.173.850	6.101.645.805	394.911.398		44.025.011.564
Khấu hao trong năm	534.046.642	1.777.129.337	1.174.982.832	35.025.646		3.521.184.457
Tại ngày 31 / 12 / 2017	4.927.327.153	34.912.303.187	7.276.628.637	429.937.044		47.546.196.021
Giá trị còn lại						
Tại ngày 31 / 12 / 2017	3.567.470.126	6.303.985.957	4.321.149.787	103.256.602		14.295.862.472
Tại ngày 31 / 12 / 2017	3.033.423.484	4.880.492.984	3.146.166.955	68.230.956		11.128.314.379

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 34.329.191.164 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 33.865.691.164 đồng Việt Nam).

(b) Tài sản cố định vô hình

	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2017	104.000.000	1.196.192.426	1.300.192.426
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	49.833.335	1.132.071.259	1.181.904.594
Khấu hao trong năm	13.000.000	64.121.167	77.121.167
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	62.833.335	1.196.192.426	1.259.025.761
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	54.166.665	64.121.167	118.287.832
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	41.166.665	-	41.166.665

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.196.192.426 đồng Việt Nam (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 247.888.400 đồng Việt Nam).

9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là các quyền sử dụng đất thuê tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương và Công ty nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá để chuyển nhượng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, dựa trên các trao đổi với các đối tác tiềm năng, Ban Tổng Giám đốc của Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính.

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2017 VND	2016 VND
Bao bì luân chuyển	365.558.333	2.027.733.533
Khác	336.980.304	-
	702.538.637	2.027.733.533

Biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	2.027.733.533	5.795.096.523
Tăng trong năm	391.771.091	3.324.350.400
Phân bổ trong năm	(1.716.965.987)	(7.091.713.390)
Số dư cuối năm	702.538.637	2.027.733.533

11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2017 VND	2016 VND
Bên thứ ba	25.008.062.084	39.297.153.531

Chi tiết nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng số phải trả người bán ngắn hạn như sau:

	2017 VND	2016 VND
Công ty TNHH Baosteel Việt Nam	12.566.185.879	20.280.057.793
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoàng Minh	5.520.506.250	9.926.385.000

12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

(a) Thuế phải thu

	2017 VND	2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	647.766.791	-
Thuế thu nhập cá nhân	98.017.345	-
	745.784.136	-

(b) Thuế phải nộp

	2017 VND	2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	3.486.944.880
Thuế giá trị gia tăng	1.361.315.848	2.722.936.356
Thuế thu nhập cá nhân	-	160.865.626
Thuế nhà đất	159.235.776	5.093.374.960
Thuế khác	16.308.720	1.466.720
	1.536.860.344	11.465.588.542

(*) Biến động thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	3.486.944.880	4.898.465.173
Tăng trong năm	836.276.672	7.877.414.283
Trả trong năm	(4.970.988.343)	(9.288.934.576)
Số dư cuối năm	(647.766.791)	3.486.944.880

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư thể hiện khoản tiền lương tháng 12 năm 2017 chưa trả cho nhân viên.

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2017 VND	2016 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng, quảng cáo	18.549.018.370	12.542.129.039
Chi phí vận chuyển	3.264.318.942	4.181.798.290
Chi phí thuê	799.744.000	785.664.000
Chi phí phải trả khác	605.412.523	1.223.877.146
	23.218.493.835	18.733.468.475

15 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2017 VND	2016 VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	647.634.000	590.388.800
Cổ tức phải trả	243.821.949	240.088.450
Khác	237.961.203	235.554.453
	1.129.417.152	1.066.031.703

(b) Dài hạn

	2017 VND	2016 VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	720.000.000	620.000.000

16 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

Biến động quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	2.169.782.464	2.931.974.734
Trích trong năm (Thuyết minh 18)	2.810.589.765	5.195.436.033
Sử dụng trong năm	(4.988.586.008)	(5.957.628.303)
Số dư cuối năm	(8.213.779)	2.169.782.464

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	2017 Cổ phiếu phổ thông	2016 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(22.360)	(22.360)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.477.640	8.477.640

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2017 Cổ phiếu phổ thông	%	2016 Cổ phiếu phổ thông	%
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	5.261.500	62	5.261.500	62
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Mạo hiểm	855.040	10	1.060.000	13
Pyn Fun Management Limited	479.220	6	490.330	6
Các cổ đông khác	1.881.880	22	1.665.810	19
	8.477.640	100	8.477.640	100

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016	85.000.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

18 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư, phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối /(lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 / 1 / 2016	85.000.000.000	(347.276.838)	95.110.162.913	20.858.096.257	200.620.982.332
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	30.005.862.206	30.005.862.206
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	8.947.372.666	(8.947.372.666)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(5.195.436.033)	(5.195.436.033)
Chia cổ tức	-	-	-	(12.716.460.000)	(12.716.460.000)
Tại ngày 31 / 12 / 2016	85.000.000.000	(347.276.838)	104.057.535.579	24.004.689.764	212.714.948.505
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(3.039.045.461)	(3.039.045.461)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 16)	-	-	-	(2.810.589.765)	(2.810.589.765)
Chia cổ tức	-	-	-	(21.194.099.999)	(21.194.099.999)
Tại ngày 31 / 12 / 2017	85.000.000.000	(347.276.838)	104.057.535.579	(3.039.045.461)	185.671.213.280

Công ty thực hiện chia cổ tức cho năm 2016 với số tiền là 21.194.099.999 đồng Việt Nam theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông năm 2017 đề ngày 25 tháng 5 năm 2017.
Mẫu số B 09 – DN

19 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	2017 VND	2016 VND
Tài sản nhận giữ hộ		
Hàng hoá nhận giữ hộ (VND)	43.247.001.293	83.088.399.273
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ	1.084	1.087
Đồng Euro	499	499

Cam kết thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang cho năm tài chính kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 lần lượt là 32.241.927.500 đồng Việt Nam và 42.464.353.240 đồng Việt Nam (Thuyết minh 32).

20 (LỖ)/LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu

(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số (lỗ)/lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2017	2016
(Lỗ)/lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	(3.039.045.461)	30.005.862.206
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	(2.810.589.765)	(5.195.436.033)
	(5.849.635.226)	24.810.426.173
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	8.477.640	8.477.640
(Lỗ)/lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	(690)	2.927

(b) (Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu

(Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho tổng của số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm ẩn năm có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó (lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

21 DOANH THU

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	356.853.086.102	449.372.715.733
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(29.555.488.703)	(32.227.783.976)
Hàng bán bị trả lại	-	(138.961.300)
	(29.555.488.703)	(32.366.745.276)
Doanh thu thuần		
Doanh thu về bán thành phẩm	327.297.597.399	417.005.970.457

22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	252.695.770.423	292.454.395.781
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12.399.352	777.284.075
	252.708.169.775	293.231.679.856

23 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	5.495.661.246	6.521.819.588
Cổ tức nhận được	1.105.000.000	325.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.494.982	19.708.290
	6.604.156.228	6.866.527.878

24 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền vay	225.555.556	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.666.041	60.467.832
	248.221.597	60.467.832

25 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lương	13.776.197.606	14.715.433.305
Chi phí quảng cáo	11.299.935.127	18.009.707.155
Chi phí vận chuyển	9.087.822.000	10.639.069.083
Chi phí hỗ trợ bán hàng	4.838.956.808	742.012.963
Chi phí bao bì, chai kết	1.662.175.200	7.091.713.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	937.659.512	937.659.512
Chi phí thuê	721.657.870	1.407.991.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	499.882.834	393.666.069
Chi phí khác	5.776.752.124	4.281.598.315
	48.601.039.081	58.218.851.250

26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuê	10.457.335.305	10.374.310.452
Chi phí lương	7.634.463.386	10.347.954.573
Chi phí khấu hao tài sản cố định	905.716.775	1.051.666.804
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	289.490.204	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.727.372.628	4.785.683.459
Chi phí khác	6.526.923.958	8.878.477.874
	35.541.302.256	35.438.093.162

27 THUẾ

Số thuế trên (lỗ)/lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 20% theo qui định của luật thuế hiện hành và được thể hiện như sau:

	2017 VND	2016 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(2.731.129.457)	37.883.276.489
Thuế tính ở thuế suất 20%	(546.225.891)	7.576.655.298
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(221.000.000)	(65.000.000)
Chi phí không được khấu trừ	260.885.225	311.187.780
Dự phòng thiếu của năm trước 836.276.672		54.571.205
Chênh lệch tạm thời đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	(22.020.002)	-
chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	307.916.004	7.877.414.283
Thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	836.276.672	7.877.414.283
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	(528.360.668)	-
	307.916.004	7.877.414.283

Thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

28 THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu về bù trừ như sau:

	2017 VND	2016 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	2.531.703.330	222.212.867

28 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI (tiếp theo)

Biến động về thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	222.212.867	222.212.867
Tăng trong năm	528.360.668	-
Số dư cuối năm	750.573.535	222.212.867
Chi tiết tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
	2017 VND	2016 VND
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	244.232.869	222.212.867
Lỗi tính thuế chưa sử dụng	506.340.666	-
	750.573.535	222.212.867

Các khoản lỗi tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗi. Số lỗi thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗi ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh lỗi	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗi phát sinh VND	Số lỗi tính thuế đã được sử dụng VND	Số lỗi còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
2017	Chưa quyết toán	2.531.703.330	-	2.531.703.330

29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	233.948.567.606	282.128.373.388
Chi phí lương	49.891.507.588	56.929.197.196
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.598.305.624	3.849.810.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.682.908.499	29.063.130.067
Chi phí khác	25.525.524.080	30.168.653.348
	345.646.813.397	402.139.164.217

30 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty được kiểm soát bởi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn do chiếm 62% cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2017 VND	2016 VND
i) Bán hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	120.650.998	952.761.829
ii) Trả cổ tức		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	13.153.750.000	7.892.250.000
iii) Cổ tức nhận được		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Tây Đô	1.105.000.000	325.000.000
iv) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	3.188.883.958	3.022.225.561

31 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động sản xuất và kinh doanh nước giải khát chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động sản xuất và kinh doanh nước giải khát là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất

32 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Thuê kho và thuê đất	
	2017 VND	2016 VND
Dưới 1 năm	849.890.000	5.512.113.007
Từ 1 đến 5 năm	3.399.560.000	3.952.110.400
Trên 5 năm	27.992.477.500	33.000.129.833
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	32.241.927.500	42.464.353.240

Báo cáo tài chính này đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 29 tháng 3 năm 2018.

Bùi Thị Kim Chi
Người lập

Phan Thành Nam
Kế toán trưởng

Võ Văn Thọ
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT CHƯƠNG DƯƠNG
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN - 2017

